

# Đoàn Giới

TUYÊN TẬP

*tiếng gọi ngàn*

isach.info

# Table of Contents

Mục lục

Cây Đước Cà Mau

Chim Bay Trên Trời Hà Nội

Chuyến Xe Thổ Mộ Ngày Giáp Tết

Rừng Đêm Xào Xạc

Tiếng Gọi Ngàn

## Mục lục

Cây Đước Cà Mau

Chim Bay Trên Trời Hà Nội

Chuyến Xe Thổ Mộ Ngày Giáp Tết

Rừng Đêm Xào Xạc

Tiếng Gọi Ngàn

# TIẾNG GỌI NGÀN

Đoàn Giỏi

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Cây Đước Cà Mau

Đó là một làng mênh mông xanh biếc trên sông Cửa Lớn, Năm Căn, cách thị trấn Cà Mau độ năm mươi cây số theo đường chim bay, nằm giữa những vùng quanh năm nước ngập, vẹt, đước ken dày trùng điệp. Dọc dài khúc sông Năm Căn từ Tam Giang qua Trại Lưới, đổ ra cửa ông Trang, đước mọc từ mặt nước theo lúa trái rụng, nổi ngọn từ bậc thấp lên cao ngất, như những nấc thang khổng lồ. Thuyền đi giữa dòng rộng hơn ngàn thước, nước băng băng chảy xiết, trông lên bờ như hai bức tường thành vô tận, đập từng nấc màu xanh đọt chuối, xanh lá mạ, tím thẫm, mờ mờ trong hơi nước biển. Tỉnh Bạc Liêu ngoài lúa, cá, muối, trứng chim, trứng vịt, thơm (dứa), mật ong còn sản xuất than củi, cung cấp cho toàn Nam Bộ. ấy là than và củi đước vùng Năm Căn. Giữa rừng đước bao la, rừng mênh mông trùng điệp đó, đường Cà Mau như một con rắn hổ mây dài uốn khúc, phóng tới đầu ngã ba sông Năm Căn. Cuối năm 1945, giặc Pháp tái chiếm Nam Bộ, chiếm đóng Năm Căn, đốt đình, phá chợ, dỡ nhà gạch xây công sự, dựng lên đồn bót. Súng liên thanh, đại bác ngày đêm bắn ầm ầm vào rừng, trên sông đe dọa cả một vùng mũi Cà Mau. Những người thợ rừng, thợ biển vác búa rìu, cuốn lưới bỏ làng cuốn sâu vô "dớn" theo hàng ngàn con rạch ngang dọc chi chít như mông nhện. Họ nghiêng răng chặt nát con đường giao thông độc nhất về Cà Mau, như chặt con rắn hiểm ác ra từng khúc để bảo vệ rừng, bảo vệ tôm cá. Bị du kích vây chặt, khắp nơi đánh mạnh, giặc rút chạy, bỏ Năm Căn cuối năm 1947 sau khi đã thiêu hủy tất cả.

Chúng chặt đầu, bắn chết năm sáu mươi dân chúng, ném xác xuống sông cho cá mập, cá sấu ăn. Năm Căn âm ỉ cháy trong mưa bắc, khói phủ trắng rừng như một giải khăn tang. Chợ Năm Căn mấy lần dựng lại, mấy lần giặc

đều cho phi cơ đến ném bom đốt trại. Tàu giặc ngày đêm vây các cửa sông, canh tuần hai mặt biển, bắn chìm mọi thứ thuyền bè chài lưới, trại đày, xuồng câu. Phi cơ oanh tạc xục xạo đốt tất cả các lò than trong vùng, ngày nào cũng ù ù lượn trên sông bắn phá. Tôi đến Năm Căn làm mắt, mùa cá dứa năm 1952. Những cơ quan dân chính, bộ phận tự túc của bộ đội địa phương, các tiểu đoàn lưu động trong khu căn cứ, mùa nào cũng có người về đây "tự túc" cá khô, tôm khô, làm mắm tép, bắt ba khía, nấu nước mắm, hấp cá đối, chở hàng đoàn thuyền ăm ắp về ăn luôn năm, sáu tháng. Cán bộ nào về đó mà chẳng biết má Năm Căn. ít ai rõ bà tên gì. Trong xã cũng có nhiều bà mẹ chiến sĩ, muốn dễ phân biệt người ta gọi bà là bà má Năm Căn. Có lẽ bởi má thuộc về lớp người cố cựu nhất ở đây, và có uá tín nhất trong hội mẹ địa phương. Trời chưa tối hẳn. Từ các ngọn rạch, thuyền chài, xuồng câu tua tủa đổ ra sông lớn. Đèn đỏ chớp chớp qua lại, quăng lưới dày đặc trên sông. Từng đoàn Ba khía: thuyền than, củi nổi đuôi theo nước lớn, xuôi hướng Thới Bình, giọng nói thơ Bạc Liêu trong vắt, lan dài trên sông. Bao giờ hết được Năm Căn ông Trang hết cá, Viên An hết rừng Khai Long hết xác cá đường Mũi Cà Mau đó, tao nhường cho bây! Tặng tặng tặng tặng tặng...

Má Năm Căn này giờ chăm chú lắng nghe. Lửa than được cháy riu riu nổ lách tách trong lò. Bỗng má ngược lên nhìn ảnh Hồ chủ tịch trên bàn thờ, hỏi tôi:

- Má nghe mấy đứa ở ngoài vô năm ngoái, nói ngoài Việt Bắc mùa này lạnh lắm. Nếu có than này mà sưởi thì ấm biết chừng nào. Tao chỉ nghĩ mà thương ông Cụ Hồ.

Tôi nói:

- Cụ tuy bây giờ cao tuổi vậy, chứ còn khỏe lắm. Sức thanh niên không bì đâu. Anh Diệp Minh Châu gửi thơ về, nói trong chiến dịch nào đó, anh đi công tác theo cụ muốn đuổi. Anh là thanh niên mà còn thờ hồng học, lết bết đằng sau.

Má cười, hỏi đồng chí giao liên ngồi trên đồng lưới đang tước dây choại, xâu khô cá chêm:

- Tụi bây tháng nào cũng về đây bắt ba khía, chà tôm. Nghe nói ở ngoài Bắc có nước mắm cáy ngon lắm. Không biết có ngon bằng mắm tép, mắm tôm ở đây không? Chớ tao nghĩ mắm ở đây ngon hông nhất. Có đĩa nào ra ngoài... phải chi gởi được cho ông Cự, với một ít bong bóng cá đường. Có lần tao định gửi mắm tép ra biếu Cự, thằng Tám chủ tịch xã nó cười tao.

Đồng chí giao liên hỏi:

- Cá đường ra sao má?

Má nhai trầu bồm bẻm, cười móm xòm:

- Thằng khờ quá! Cá đường lớn bằng bắp vế, dài cỡ một sải tay mày đó.

Biển Cà Mau mới có bong bóng của nó ngon, quý lắm. Mình chỉ mỗ lấy bong bóng để làm khô, bán cho các tiệm cao lâu. Xác quăng xuống biển. Thuyền bè nào mà chở cho hết! Cũng có người tiếc lấy về xẻ khô. Thịt nó ngọt chắc lắm. Bữa nào biển lặng không có tàu tuần, ra xa lưới thì vô số. Có khi phải rọc lưới cho nó ra bớt, không thì nó tung nát lưới. Trúng luồng cá đi, lơ mơ nó dám kéo chìm thuyền. Xác cá đường ném bỏ, tấp vô bãi Khai Long, vô cửa Rạch Gốc trắng nước. Hồi này, mày không nghe đĩa nào nói thơ dưới sông đó sao? Đêm ấy, không nhằm con nước bắt ba khía, chúng tôi nằm nhà sửa soạn giỏ, bao tay, nghe má kể chuyện Năm Căn. Má nói:

- Hồi tao tới đây, mới có lúa thừa vài cái chòi đốn củi. Tây chưa phóng con đường này. Rừng hươu nai, lọ nôi nhiều lắm. Cá tôm đặc nước. Làm một ngày ở không ăn cả nửa tháng. Chỉ khổ cái đất trồng trọt. Phải có bông lúa ngon rau mà sống chớ. Không lẽ chỉ ăn tôm cá, thịt rừng không. Đất này, chỗ nào cao ráo phải để dành trồng trọt. Mình ở toàn nhà sàn cũng như bây giờ, cất theo bãi. Tôm cá thì đủ thứ, thiếu gì! Tôm càng xanh bằng cườm tay, tép xà búi bằng ngón chân cái, tép bạc lưới về, đổ đồng như đồng

lúa cả trăm gạ. Cá dứa thì có mùa, thuộc loại ngon nhất ở đây. Thịt mềm ngọt xớt. Nấu canh chua ngon lắm. Mỗi tháng có hai ngày ba khía hội. Nước rong, ba khía leo bám đầy lên rễ, lên thân cây đước, cây vẹt. Ba khía làm mắm, chở lên tới Mỹ Tho, Sài Gòn. Cua biển cũng nhiều lắm. Các trại đáy kéo lên, chỉ lấy cá tép. Cua cho ai bắt thì bắt. Thường thường thì đổ xuống sông lúc không có người mua. Cua lột tháng tám mới ngon, và thịt chắc nhất. Bụng đầy gạch son. Lốp luộc, lốp chiên lăn bột. Lốp làm mắm nhận trong muối hột. Chùng nào ăn, lấy ra rửa sạch tán nHuyền, trộn với đường, mỡ, tỏi ớt, chấm với tôm nướng, thịt luộc, ăn rau sống bánh tráng không gì bằng. Tao nhắc còn nhiều nước miếng, vọp, ghêu cứ nước kém, chèo thuyền ra cồn, lấy bồ cào, cào đổ lên chớ nơi nào mà bắt. Tội nghiệp chị em con Tần ở Rạch Chiếc, năm ngoái đi bắt sò bị máy bay bắn chết ngoài cồn. Một đứa mười hai tuổi, một đứa tám tuổi, nước cuốn xác mất tiêu...

Mọi người im lặng. Gió ngoài sông bỗng thổi lên hù hù. Ngọn đèn dầu cá trên bàn thờ lung lay, muốn tắt. Tôi dòm lên chột hỏi:

- Ba "khoản" bao lâu rồi, má?

Má không đáp, cúi xuống cài lại đồng un. Khói tỏa trắng nhà. Không biết có phải bị khói cay mắt không, mà má đưa tay dụi hoài. Một lát, má ngồi lên tằm trầu, vừa nhai, mắt ngó xa xuôi ra cửa sổ, phía rừng mịt mù. ánh lửa rung rinh soi hai gò má rung rung. Má đốt một cây nhang cắm lên bàn thờ, nói:

- Ba mầy hử? ông mất lâu rồi! Lúc tao mới sinh chị Tư mày đó. Miếng đất khỏi chợ, chỗ Tây đóng đồn cũ, là miếng rẫy của ông hồi trước. Ông phá rừng, lên liếp từ sáng tới xế, trông hoài không thấy về ăn cơm. Tao lòi ra chỉ thấy còn mấy lông tay. Máu đọng vũng đỏ đất. Con dao rựa chém lát một miếng da cộp, ngập trong cây đước. Hồi năm 1947 Tây rút, tao muốn trở về đó cất nhà, sớm hôm gần gũi. Có trăm tuổi già, nằm xuống đó cho gần chồng gần con. Thằng anh Hai mầy đi Cộng hòa vệ binh đánh Tây trận Gia

Rai hồi năm 1945, chết cũng đem về đó... Lúc mình cướp chính quyền độc lập năm 1945, dân tứ xứ đổ về đây, thuyền buôn ngày đêm chèo mát nước. Nhà cửa san sát. Nhờ ơn chính phủ, dân làng mới có cái áo cái quần lành lặn, mới có mùng có mền đầy đủ. Ngày còn Pháp thuộc, đước mênh mông đó mà đốn một cây về cất nhà, lính thủy lâm cũng bắt. Chài tôm, bắt cá chỉ đủ để đóng thuế cho nó. Xứ này, muối, bù mắt như trấu, nhiều người không mùng mà ngủ, phải chằm khịu bao bố tời, đệm cho cả nhà nằm. Giải phóng từ năm 1947 tới giờ, dân làm củi, dân hạ bạc mới dư ăn, dư để. Tuy vậy mức sản xuất cũng bị nhiều khó khăn. Lò than bị bom giặc đốt hoại. Than của chính phủ làm cho các công xưởng quốc phòng có khi còn thiếu hụt. Tổ chức Bình dân học vụ cho trẻ con cũng chật vật lắm. Dân làng ra khơi, đẩy xịp ban ngày dưới làn đạn máy bay xối xả để tiếp tế khô, mắm ruốc cho miền Đông...

Rồi má tăng hăng nói thêm:

- Cũng còn gian khổ lắm, con à!

o O o

Tôi có dịp trở lại Năm Căn, sau ngày đình chiến mười mấy hôm. Năm Căn thật là tưng bừng rộn rịp. Chợ mọc lên. Lò than mọc lên. Cờ đỏ lô nhô trên nóc phố, theo ven rừng, lên chóp cột buồm phấp phới. Thuyền bè san sát, buồm trắng, buồm nâu chập nước. Thuyền lưới lữ lượt ra khơi. Thuyền than, thuyền củi chở cột kèo, đòn tay, thuyền trái cây xuôi ngược dập dìu. Xuồng vàm rao lạnh lớt vang sông.

Những mái nhà sần nép theo bóng đước, cầu chạy tránh máy bay dài hàng một hai cây số thăm thẳm vô rừng đã dỡ ra, dựng lên bờ sông trắng nắng. Gió biển lồng lộng, thơm phức mùi tôm khô, tép lụi. Má Năm Căn đã về cất lại nhà trên nền đất cũ. Cây đước ngập dấu dao ngày xưa, lá xanh óng ánh dưới mặt trời, che bóng mát rượi trên hai nấm mồ vừa giẫy cỏ. Má luộc



cho chúng tôi một thùng tôm, ăn với bánh tráng Rạch Giá vừa chở xuống bán. Câu chuyện đang vui, bỗng chị Tư con má, hỏi:

- Chùng nào mấy anh tập kết? Các anh định đi hết sao?

Tôi nói:

- Chưa biết. Nhưng chỉ bộ đội và chính quyền đi thôi chớ. Đoàn thể ở lại. Đoàn thể từ mấy chục năm nay, đâu có bao giờ xa đồng bào. Nhất là trong giai đoạn đấu tranh chính trị này.

Mắt má sáng lên:

- Tao chưa học hội. Nhưng tao cũng chắc như vậy. Bậy đi về Bắc kiến thiết rồi bậy cũng về. Nói vậy, chớ dẫu sao cũng buồn. Đi, ở gì cũng có nhiệm vụ đấu tranh. Tao đâu có cản mà bậy giấu!

Tôi an ủi má:

- Thật tình con chưa biết sẽ đi ngày nào, má à! Đâu phải...

Má ngắt lời:

- Tao hỏi vậy là biết chùng nào bậy đi, tao gửi than và mả cho Cụ, cho mả con ngoài đó!

Má ngẫm nghĩ một lúc, giọng trầm hẳn xuống:

- Tao tính hôm rày, không biết được không? Anh em xúm quanh má:

- Tính gì má? Đâu má nói nghe coi.

- Tao nghe mấy đứa ngoài Bắc vô năm ngoái, nói ở Hà Nội có hồ Hoàn Kiếm. Giữa hồ có một cái hòn, có miếu kỷ niệm ngày xưa vua Lê chài cá được gươm lập quốc. Tao muốn gửi bậy một cây đước ra trồng chỗ hồ đó.

Là để tỏ tấm lòng bà con mũi Cà Mau luôn luôn nằm trong lòng Tổ quốc, gần gũi Cụ Hồ.

o O o

Tôi trở về cơ quan. Kế được lệnh tập kết. Thời hạn gấp rút, không kịp trở lại Năm Căn. Hôm nay, đi giữa miền Bắc tràn ngập sóng cờ, trong sự chào đón và tình thương ruột thịt của đồng bào, trong nắng ấm của một ngày thu trong sáng. Hòa bình đã lập lại trên đất nước. Nhưng ngày ngày báo chí, đài phát thanh vẫn liên tiếp báo tin những vi phạm hiệp định trắng trợn của đối phương ở miền Nam. Đồng bào ở miền Nam đã bình tĩnh, ngó tới mà đấu tranh, nghiêm chỉnh chấp hành đúng đắn hiệp định, chỉ thị của Đảng Lao động và chính phủ, đã giữ vững niềm tin sắt đá nơi Hồ chủ tịch. Tôi nghĩ đến bà mẹ hiền lành trên giải đất chót cùng của nước Việt Nam, mấy chục năm trời giữ sông, bám đất, thủ tiết thờ chông, nuôi con, nuôi bộ đội. Đoàn thể có phê bình mà chủ quan, không nghiêm túc thường gọi ông chủ tịch xã bằng thẳng. Người mẹ chiến sĩ Nam Bộ cần cù, ham thích chăn nuôi trồng trọt, chung thủy, thẳng thắn, có chủ quan, nhưng rất thương anh bộ đội, thương cán bộ luôn luôn bền gan đấu tranh cho thống nhất nước nhà.

Tôi nghĩ đến Năm Căn, vùng đất dung thân của những gia đình bần cố nông bị bóc lột tận cùng xương tủy, bỏ cày bừa về chen chúc theo đầu sông ngọn rạch, biến thành thợ rừng, thợ biển. Năm Căn, nơi đã nuôi dưỡng che chở cho phong trào khởi nghĩa Bốn mươi của huyện Cà Mau, những giờ phút bắt đầu mãnh liệt và thoái trào đen tối nhất. Năm Căn giờ đây đang ngẩng đầu lên, trùng điệp một màu xanh lá đước. Những cây đước cao vút rễ chi chít từ giữa thân trở xuống, như những cánh tay thò ra bám đất. Như người dân Nam Bộ luôn luôn bám đất chiến đấu không ngừng trước kia và trong chín năm kháng chiến để thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập dân chủ cho Tổ quốc. Và, tôi nghĩ đến bức chân dung Hồ chủ tịch, lồng khung, kính cẩn giữa bàn thờ đỏ chói hai chữ "Tổ đường", trong một gian nhà chài lưới ở Năm Căn. Tôi nghĩ tới ngày mai

thống nhất, tôi sẽ về rước má ra đây. Để má biểu mắt tép cho Cụ Hồ, để má thăm các con bộ đội của má và đồng bào miền Bắc... để tự tay má trồng cây đước Năm Căn bên hồ Hoàn Kiếm.

Tháng 11-54

# TIẾNG GỌI NGÀN

Đoàn Giỏi

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Chim Bay Trên Trời Hà Nội

Gởi thi sĩ T. Giáo sư văn học ở Sài Gòn.

Từ lúc ngồi trong lều cỏ ở chiến khu Đồng Tháp Mười viết bài thơ Trăng mùa tháng Tám gởi bạn, đến nay đã có trên hai mươi năm rồi... Bài thơ đăng trên tờ báo kháng chiến đã lâu, thật ra tôi ít có há vọng là nó đến với bạn giữa Sài Gòn tạm chiếm được. Cho đến một chiều nọ, tình cờ ghé vào trạm liên lạc quen bên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp, lục trong đồng thư từ nhàu rách gởi về khu, may sao tôi đã tìm thấy hồi âm....

Ngày bạn ra đi không trở lại Lòng trai tui nghỉ chí tung hoành! Gió chẳng về trên lầu Yên Tử Vì sao thừa thớt cái Đền oanh? Đêm qua sao lạc bên bờ suối Mà vắng đường chim... Ráng đỏ nhuộm hồng mặt giấy tìm đến tay tôi, từng cơn gió Tháp Mười mỗi lúc thổi tới khiến trang giấy rung phần phật như một con bướm to sáng màu chấp chới muốn bay lên, và những cánh chim giăng hàng trên bầu trời hoàng hôn châu thổ Cửu Long vẫn nổi bóng nhau bay lướt trên tờ thư phúc đáp của bạn. Giữa hai trăm câu dài mang tâm sự một Tư Mã Giang Châu bị đầy nơi đất trích, mấy dòng đau trên của bạn cứ rưng rưng trong mắt tôi. Thương không cùng mà cũng giận xiết bao. Có phải hồi quang từ mặt nước dòng kênh làm xót mắt tôi không, mà tôi cứ đưa tay lên dụi mãi? "ôi, cái gì đã ngăn cách chúng ta? Nếu không phải tự ta?"

Chiều nay, giữa thủ đô Hà Nội, ngẩng trông những bầy chim vùn vủ như những đám mây nổi nhau bay về phương Nam, tôi lại nghĩ và nhớ đến bạn. Phải nói rằng năm nào cũng vậy, lúc Hà Nội sắp vào đông, hồ như thấy những bầy chim sáo đen sáo xám từ Xi- bê- ri bay tránh rét về qua trên bầu

trời thủ đô, nghe tiếng kêu rộn rã và tiếng quạt cánh vù vù của chúng là tôi cứ nghĩ ngay rằng những con chim này nay mai, trên đường còn tiến sâu mãi về Nam rồi chúng sẽ bay qua Sài Gòn, qua nơi mái nhà bạn ở...

Nhớ năm khởi nghĩa Nam Kỳ bốn mươi, đang đêm cò quận nhì vào trường bắt Võ Công Danh (con Võ Công Tồn ở Chợ Lớn) cũng là năm chúng ta chia tay nhau ở Lá- xê- um Nguyễn Văn Khuê. Hồi đó bạn thường nói với tôi về "những cái hay, cái đẹp của một thế giới đại đồng" giữa lúc đêm đêm tiếng xe máy dầu trí sủng liên thanh chạy tuần tiểu nổ máy inh tai và tiếng xích sắt của đoàn xe thiết giáp nghiêng rung mặt đường Kit- sơ- ne, ngay dưới lầu ngủ chúng ta. Trong quyển Dédicases của tôi, bạn đã viết: "Bạn lòng một cánh hoa tim, ngày nao xa cách cánh chim giang hồ..." Chúng ta đã cùng sống những giờ phút buồn vui, đã học chung dưới một mái trường nhưng giờ đây mỗi cánh chim xưa bay về một hướng khác nhau... Tôi cứ lang thang trên đường Nam Bộ, trông vờ những con chim xứ lạnh bay tìm ánh nắng, miên man nghĩ về một tình bạn cũ mà tới ga Hàng Cỏ lúc nào không hay. Chợt gặp Tô Hoài và Vân An ngồi trong quán bia đầu ga. (Vân An tức Nguyễn Vạn An, đồng hương Tây Ninh với bạn ấy mà). Nghe tôi nói chuyện chim và nhắc bạn, An vỗ đùi đánh đét:

- Hồi ta thắng lớn ở Điện Biên Phủ, T. có vào chiến khu Tây Ninh tìm mình. Cùng đi với một số trí thức. Nằm ở chiêu đãi sở khá lâu, không gặp mình, nó lại trở về Sài Gòn.

An chép miệng:

- Rủi quá, lúc đó mình đi học miền Tây. Trên đường về, chưa về kịp!
- Tao tưởng gặp mày hay không gặp mày, đâu phải là nguyên cố chính.

An nhắc mục kính lên, hấp háy mắt:

- Biết đâu đấy! Biết đâu đấy! Tô Hoài ngồi lạng lẽ xoay xoay cốc bia trong tay, mỉm cười như không mỉm cười.

Anh nói:

- Nhân Đoàn Giới gọi về chim, mình kể cho các cậu nghe chuyện này. Đầu khoảng năm 37 hay 40 gì đó, có một người nông dân ở Mỹ Tho bắt được một con chim. à không phải bắt, thổi bằng ống xì đồng. Con chim nó mang chiếc vòng kèn nhỏ nơi chân, khắc bốn chữ CCCP. Anh thấy lạ, mang chim đi trình cấm. Cấm là cò trong đó mà. Thằng cò thấy bốn chữ CCCP, hoảng quá, thu xác con chim chết gửi về Sài Gòn báo cáo. Còn anh nông dân đi trình chim kia thì bị tổng vào tù. Con chim đó, Pháp để vào viện bảo tàng...

Bỗng dưng ba người cùng nín lặng. Tôi cúi nhìn những giọt rượu bia rung rung trong lòng cốc, như bị lay động vì âm vang huyền não của giờ phút có những đoàn tàu kéo còi chuyển bánh. T. ơi! Tôi rất hiểu lòng bạn. Vì gia biến "Từ buổi thành đô thất thủ rồi" năm 46- 47 bạn đã trở về Sài Gòn tạm chiếm đi dạy học, viết sách viết báo, bạn chẳng đã phơi bày tâm sự mình trên tờ V.B hồi đó đấy ư?...

Nắng sớm mưa chiều chẳng đổi thay

Hồn này thế chẳng bán cho ai

Từ khi cất bút làm thơ dại

Giọng thép thương pha tiếng thở dài...

Bây giờ thì bạn Sống ra sao giữa Sài Gòn? (Tôi viết chữ Sống hoa với tất cả mọi nghĩa hàm xúc của nó). Bạn Sống ra sao, giữa bọn Mỹ hung rợ và vô văn hóa, giữa bọn Thiêu- Kỳ- Hương tay sai bán nước bò lê la dưới gót giày xâm lược Mỹ tìm đớp đô- la? Nhưng có điều tôi biết và tin chắc là tấm lòng yêu nước của bạn, dù trong hoàn cảnh nào cũng vẫn "Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ".

o O o

Từ Hà Nội trái tim đất nước, tôi lại ngồi viết về Sài Gòn cho T. lần nữa đây. Nhớ chăng, ngày niên thiếu mỗi khi đọc ấn phẩm của Nguyễn Tuân là trong hai ta đứa nào cũng thấy lồng lộng nổi lên một trận gió giang hồ? Mà nơi chúng ta thềm đi, khao khát tới trước nhất là thủ đô Hà Nội! Tôi vào Hà Nội tháng mười 54 sau năm tiếp quản thủ đô mười ngày trên chiếc tàu Gaucogne mang tên vịnh biển sóng gió nhất châu âu. Rồi Cap ạt. Jacques tôi đã chịu đựng một cơn bão dữ dội kéo dài gần năm sáu ngày liền, trước khi đặt chân lên đất Bắc. Khi xe vào ngã tư Vọng, tôi bồi hồi nghĩ đến bạn và không ghìm được xúc cảm, buột miệng kêu lên: "T. ơi, giờ thì mình tới Hà Nội rồi nhé!" Đâu là gác Khuê Văn xưa? Đâu là Bích Câu? Đường hương nào đã đưa Tú Uyên gặp gỡ Giáng Kiều? Nơi nào bóng rùa vàng hiện lên dang bấu kiếm cho người anh hùng áo vải đất Lam Sơn?... Xe đưa tôi qua những phố phường của Thăng Long xưa hiện dần ra trong quang cảnh một Hà Nội điêu tàn bị đập phá, cạy gỡ, đến những cây liễu thướt tha bên hồ Gươm cũng bị chặt cụt trước khi bại quân Pháp rút lui, một Hà Nội giải phóng hiện dần ra với những gương mặt cười của người dân thủ đô vừa mới lau xong nước mắt.

Sông Hồng ơi! Giông bão chẳng thay màu Rùa thần thoại vẫn nô lừng đội tháp Chùa Một Cột đổ trên đầu giặc Pháp Lại nở xòe trọn vẹn đóa hoa sen... Mười bốn năm qua, Hà Nội giờ đây đã thay da đổi thịt, đã cao, đã lớn, đã dài rộng thêm ra. Một thành phố ăn chơi, tiêu thụ, khi tôi vào hãy còn bừa bãi vô đồ hộp chiến tranh và các thứ vỏ chai rượu mạnh vất chổng chơ trên khắp lề đường đã biến đi, một trung tâm sản xuất mới và văn hóa mới hiện lên với tất cả phong thái ôn, nhu và đỉnh đạc của những con người đứng lên làm chủ lấy mình. Suốt thời kỳ giặc Mỹ điên cuồng đánh phá Hà Nội, tôi vẫn không rời thủ đô nửa bước. Những đám cháy đầu tiên do bom giặc gây nên ngày 29 tháng 6 năm 1966 đã đốt lên ngọn lửa căm thù dữ dội trong tất cả người dân Hà Nội. Bom rơi xuống phố Nguyễn Thiệp sau chợ Đồng Xuân, bom ném xuống phố Huế cạnh chợ Hôm, bom nổ xuống Nhật Tân, Phúc Xá, xuống khu Thượng Đình, bom vãi xuống hồ sát đền Ngọc Sơn, xuống cầu Long Biên...

Cơ man nào là bom tạ, bom tấn, bom bi và tên lửa bun- pốp Huê Kỳ ào ào vãi xuống Hà Nội, nơi những khu tập trung dân cư đông đảo nhất. Chúng nó huỳnh hoang tuyên bố rằng không lực Huê Kỳ trong ba tháng đã oanh kích thối, đủ đưa miền bắc Việt Nam sống lùi lại thời kỳ đồ đá. Và chúng đã mồm môi mồm lợi dồn sức đánh vào thủ đô Hà Nội, hòng đè bẹp ý chí chống Mỹ cứu nước của toàn thể dân tộc ta. Những thằng giặc cướp ngạo mạn đó, giờ đã phải cụp tai xin ngừng oanh tạc miền Bắc không điều kiện như bạn và cả năm châu bốn biển đều biết đấy. oeóc gì bạn được một chuyến ra chơi Hà Nội và sống với Hà Nội trong những ngày sống động nhất ấy! Mà xem, mà nghĩ về cách Sống và cách Đánh của người Hà Nội. Còi báo động rúc ngày đêm. Tiếng gầm rú như điên của Con Ma, Thần Sấm, Kẻ Đột Nhập... có ngày chúng tấn công Hà Nội sáu bảy trận, mỗi trận ba bốn đợt liên tiếng bom từ các tầng mây cao ào ào rối loạn tuôn xuống, và tiếng pháo cao xạ từ mặt đất thiêng giòn giã tỉnh táo đánh trả lên, các cỡ liên thanh súng trường ran ran khắp các nóc nhà, sân thượng đan thành một lưới lửa dày đặc, những bụng khói vàng da cam của tên lửa phóng những con rồng lửa đuổi theo bọn giặc bay chạy ngoắt ngoéo trên bầu trời... cùng những chiếc dù vừa bung ra từ những chiếc máy bay giặc bị bắn cháy rừng rực đâm đầu chúc xuống, giữa tiếng hò reo vang dậy của đồng bào thành phố. Lửa dựng. Khói bay. Đất trời mù mịt. ầm ầm, ùng ùng, đình tai nhức óc là thế. Nhưng khi còi giả an vừa dứt tiếng, là cô tự vệ thủ đô lại rút chiếc mũ xoa lụa trắng phau ra lau mồ hôi trán, phỉ bụi đất vương trên chiếc áo hoa ngắn tay, vai khoác súng trường, phe phẩy chiếc mũ rơm vàng óng lừng lừng bước về xí nghiệp sản xuất, vừa đi vừa hát: "Mỗi tấc đất Hà Nội đượm thấm mãi lòng ta". Thật lạ lùng, sau một trận chiến đấu ác liệt mọi sinh hoạt thành phố vẫn như thường. Các quán bia cũng là các nơi khá ồn ã đông vui. Mũ sắt mũ rơm lượn xô như sóng. Tay người cầm cốc bia sóng sánh cứ vung lên, khỏe nhẹ mà nheo mắt cười nhìn lên bầu trời xanh trong yên tĩnh vừa quét sạch những con bọ bay của không lực Hoa Kỳ. Quầy bán hoa mậu dịch, hoa hợp tác bên bờ hồ lại tấp nập người chọn hoa, người mua hoa.



Trên công viên, các anh các chị chăm sóc vườn lúi húi đắp gốc lại một cây cảnh, trồng lại một áng cỏ xanh mượt mà vừa bị bom đạn giặc làm xây xát. Và trong những ngày thủ đô chiến đấu đánh Mỹ ác liệt đó, dù rất bận rộn việc quân quốc, thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn đến nói chuyện với anh chị em văn nghệ sĩ, với các giáo sư, các nhà nghiên cứu phê bình văn học về vấn đề bảo vệ sự trong sáng của tiếng nói dân tộc, anh Vũ Ngọc Phan vẫn đôn đáo triệu tập hội nghị thành lập Hội văn nghệ dân gian, Chi hội văn nghệ Hà Nội vẫn triển lãm tranh tượng... Cả văn nghệ sĩ miền Bắc đều tập trung đánh Mỹ. Đánh rất căng, rất dữ. Nhưng vừa đánh Mỹ, anh Tố Hữu vẫn nhớ cụ Nguyễn Du: "Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân, Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều". Anh Xuân Diệu vẫn viết những chùm thơ tình rất mượt, anh Hoài Thanh vẫn giọng trầm trầm phân tích thơ văn Nguyễn Trãi, anh Bảo Định Giang của đất Tháp Mười vẫn nhớ về những em nhỏ xứ đồng sen bạt ngàn: "Giữa lòng Hà Nội đêm không ngủ, Tháng Bảy nghe như nóng xé trời. Giấc mộng đêm qua còn giữ mãi..."

Huy Cận sáng tác thơ cho thiếu nhi, Lưu Trọng Lư vẫn rất trữ tình, Nguyễn Xuân Sanh vừa đi vào không quân vừa viết ca ngợi biển, Chế Lan Viên đến bên mâm pháo đọc cho chiến sĩ nghe về những suy nghĩ mới của mình. Tế Hanh vẫn không nguôi nhớ miền Nam, vẫn hoài vọng Sô- panh, Hoàng Trung Thông vẫn say tiếng đàn và những đoàn ngựa thồ vùng cao Tây Bắc. Anh Nguyễn Đình Thi, Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam lại trở về quân đội để vừa viết "Vào lửa", "Mặt trận trên cao" đang diễn ra nóng bỏng vừa tiếp tục viết tiểu thuyết "Vỡ Bờ" tập II mô tả các thời kỳ vận động cách mạng trước 45... Hà Nội đánh Mỹ quyết liệt mà cũng rất ung dung với tầm vóc hôm nay, với tầm cao quá khứ của cả một dân tộc, với sự tất thắng của cả nước Việt Nam dân chủ cộng hòa rộng ngời chính nghĩa. Giôn- xơn và bọn đầu sỏ chiến tranh ở lầu Năm Góc vừa đổ mặt tía tai hạ lệnh đánh vào Hà Nội, vừa tái xanh tái xám run sợ, "Chối quanh chối quẩn, nói không có cuộc tấn công nào vào các vùng dân cư Hà Nội và những thiệt hại đó là do tên lửa Bắc Việt gây ra". Chính Harrission Salisbury trợ lý tổng biên tập báo New áork Times đã đến tận Hà Nội (25- 12- 1966), vạch trần

bộ mặt kẻ cướp Mỹ chứ không ai. Thằng xua giặc bay tiến công Hà Nội thì sợ dư luận thế giới phản đối, thằng bay vào đánh Hà Nội thì cái sợ của nó càng cụ thể và to lớn hơn nhiều, bởi nó phải đem bốn mông ra búng các cú đạn tầm cao tầm thấp của Hà Nội nhồi bằng thuốc tống thuốc nổ cấm thù nhất. Trước khi bay vào Hà Nội thì đêm ở căn cứ Cò- rạt Thái Lan là những đêm thức trắng không ngủ vì hồi hộp lo sợ, vì uống quá nhiều cà phê thay thuốc an thần. Và từ các hàng không mẫu hạm, những tên giặc bay sừng sỏ nhất cũng đã cúi đầu quỳ trên đường băng để cha tuyên úy ban phước lành của Chúa cho chúng trót lọt trong từng chuyến bay. Nhưng cho đến nay thì 259 máy bay kẻ cướp Mỹ đã bị dân quân Hà Nội đánh tan xác ngay trên bầu trời thủ đô, hoặc vít cổ xuống đồng ruộng ngoại thành, bọn nhảy dù thoát chết thằng thì chúc đầu vào chuồng chồ ở Thụy Khê, đưa lọt tằm giữa hồ Trúc Bạch... để nối thêm vào đoàn tù dây lốc thốc kéo nhau đi giữa đường phố Hà Nội mà phơi bày những bộ mặt ngu, ác Mỹ.

Điều này thì hẳn bạn hiểu rõ hơn tôi. Là giặc Mỹ chạm đến Hà Nội một, thì ở khắp miền Nam nhất là ở Sài Gòn đồng bào và quân đội giải phóng đánh trả chúng đến mười. Cả nước ta và cả thế giới đều hướng về Hà Nội, nức lòng hồ hởi trước từng tin chiến thắng của thủ đô Việt Nam anh hùng. T. ơi! Tổ quốc ta phải đâu là một danh từ trừu tượng hẳn bạn cũng từng giảng cho học sinh, sinh viên của bạn về cái cụ thể con đường ta đi, mái nhà ta ở, người bạn ta yêu... Lòng yêu nước chân chính bao giờ cũng là lòng yêu Tổ quốc độc lập, tự do. Nguyễn Bính hồi kháng chiến trước, ở chung với tôi. Anh vẫn đọc và nhắc T. luôn. Năm 1954, khi mới về tiếp quản thủ đô, Nguyễn Bính và tôi vẫn thường dắt nhau đi chơi trên đường Bà Triệu, những đêm thu ngát dậy mùi hoa sữa. Có lần Nguyễn Bính bảo tôi:

- Mình liên tưởng tới Hà Nội cách đây mười mấy năm về trước. Có những đêm khuya, tôi cũng đã đi một mình trên con đường này. Tôi nện gót giày cho thật kêu nhưng cõi lòng thì lạnh ngắt, nặng trĩu sầu tư. Hồi đó, tôi đương lứa tuổi thanh niên, nhưng hồn tôi thật chẳng bao giờ có bướm bay hoa nở. Tôi từ một tiệm thuốc phiện ra, tôi từ một nhà cô đầu về... hoặc tôi

đã đi qua nhà người yêu để nhìn những cánh cửa sổ sơn xanh khép chặt, lòng thổn thức bồi hồi song vẫn biết rằng chẳng bao giờ mình cưới được người mơ ước. Và trong những đêm khuya ấy, tôi đã gặp những tên lính, những tên lính lê dương say rượu, nó nện gót giày mạnh tưởng đến nỗi có thể vỡ cả mặt đường. Tôi sợ hãi, cố ý tránh xa nó, nhưng tôi vẫn ngửi thấy mùi rượu nồng nặc.

Thường thì nó không đi một mình, nó đi với người con gái hoặc nhiều tuổi, hoặc ít tuổi, đó là những gái mãi dâm. Tôi rất sợ anh ạ! Nó có thể cứ việc đánh mình một cái tát nếu nó cao hứng muốn đánh mình một cái tát. Nó có thể rút súng sáu ra bắn chỉ thiên vài phát, hoặc ngắm phía ngay giữa ngực mình để bắn chơi vài phát. Nó vẫn thường làm như thế, mà nó không bị tội, bởi vì nó là lính đế quốc. "Tôi là một nhà thơ, chỉ ca tụng ái tình, hoa tươi và bướm trắng. Tôi là một người rất lương thiện, tôi đi đường nếu gặp một cái gai nhọn, hay một cục đá to, dù vội mấy tôi cũng nhặt bỏ sang vệ đường sợ người khác dẫm phải, vấp phải..."

Vậy mà tôi vẫn phải sợ từ một tên lính Tây say. Tôi thấy bức tức và tủi hổ quá. Tôi đi trên đường Hà Nội, tôi đi trên đất nước tôi, mà tôi cứ tưởng chừng như mình là một người Do Thái, lang thang đi tìm Tổ quốc. "Rồi lang bạt vào Sài Gòn. Tôi đã gặp cách mạng. Nếu không có cách mạng nổ ra thì đời tôi sẽ ra sao? Trước, cuộc đời tôi là cuộc đời của một con ốc, thu mình trong một cái vỏ cứng tối tăm chật hẹp. Nó cúi gằm mặt xuống, bò lê la khắp các chỗ bùn nhơ. Nó bò chậm chạp, gặp một tiếng động mạnh hay một trở ngại gì là nó nằm lăn ra, chẳng biết trời đất là gì nữa. Cứ như thế nó sống mà chính nó cũng chẳng trả lời được câu hỏi: Ta sống để làm gì? Cách mạng đến bảo tôi "Anh không phải là một con ốc. Anh là người. Anh có quyền sống và anh phải sống cho ra sống. Anh hãy ngẩng mặt lên mà đón hưởng ánh sáng... Tôi hiểu ngay rằng sống là phải chiến đấu". Khi tập kết ra Bắc, Nguyễn Bính còn để lại người vợ trẻ ngoan hiền và đứa con gái nhỏ ở xã Hưng Mai. Thỉnh thoảng, anh buồn nhớ vợ con, lại uống rượu. Có lần anh gọi tên vợ con, nước mắt nước mũi ràn rụa:

- Phải đấu tranh, em ạ! Nữ nào để con gái yêu quý của chúng ta đến tuổi trăng tròn lại bị những thằng lính Mỹ bụng chứa mười chai rượu mạnh, kéo lê con ta đi khắp phố Sài Gòn. Chúng nó lôi con ta đi xem phim khỏa thân, chúng nó ép con ta uống rượu mạnh...

Giọng anh nén xuống mà vẫn cứ như gào lên: "Phải chặn tay chúng nó lại! Đạp dập đầu chúng nó. Phải tống cổ chúng nó!". Bẵng đi có đến năm, sáu năm anh không uống rượu. Nhưng hồi nghe tin miền Nam đồng khởi, anh lại rủ tôi đi mua rượu. Anh uống đến say. Lần say này, anh luôn luôn cười ha hả... Nguyễn Bình giờ đây đã nằm xuống yên nghỉ trên đất quê hương Nam Định. Anh đã có thể yên trí về tương lai con gái anh ở miền Nam bước đầu giải phóng rồi đấy!

o O o

T. ơi! Chiều nay trông những cánh chim bay trên bầu trời Hà Nội, sao mà da diết nhớ bạn, nhớ anh em bạn bè ta trong đó! Lâu mới viết cho bạn thành ra chuyện gì cũng muốn nói. Mà nói sao cho hết những điều chứa chất đắng đắng bao nhiêu năm dài xa cách chứ. Phần tôi thì bây giờ cũng đã yên bề gia thất. Vợ tôi là một Việt kiều, xa xứ sang Lào rồi sang Thái Lan từ bé, một trong số mười ba người Việt kiều Thái Lan về nước đầu tiên năm 1957. Tiếng gọi của quê hương cứ thôi thúc, giục gọi những người con xa đất mẹ tìm về Tổ quốc góp phần xây dựng đất nước, mà bấy lâu mỗi tình hoài hương cứ ngày ngày kết đọng thành một nỗi nhớ không nguôi.

Con trai tôi nay đã lên mười, đặt tên là Viễn lót chữ Quang. Dù ở nơi xa lòng vẫn sáng. Cũng hàm nỗi nhớ về Định Viễn - tên đất cũ của Tây Nam Bộ thuở ông cha ta tiến về khai quốc ở phương Nam. Thằng con trai độc nhất ấy tưởng đã bỏ hồi sáu tháng. Nó vướng bệnh bại liệt, toàn thân bất động, đến hai con mắt là cửa sổ cuối cùng nhìn ra sự sống cũng cứ nhắm thiêm thiếp kể như cháu chết rồi, bạn ạ! Nửa đêm tôi bỗng con trồn ra bệnh viện Bạch Mai. Tôi muốn thằng bé được nằm lại một chút trên chiếc nôi

nhỏ của nó, trước khi nó đi. Mờ sáng hôm sau, khi tôi chạy mua vàng hương về thì thấy gian buồng mình đầy các bác sĩ, y tá, hộ lý.

- Còn nước còn tát! Đồng chí cứ để chúng tôi cố gắng...

Người bác sĩ già phụ trách khoa lâm của bệnh viện và những cộng sự của ông khi biết mất thằng bé, đã đuổi theo tôi đến tận buồng. Ngày đêm luân phiên có mặt những người thầy thuốc xã hội chủ nghĩa đó ngồi bên nôi cháu. Và họ đã giành được một sinh mệnh ra khỏi tay tử thần. Cháu lớn lên, đi đứng bình thường. Nhưng mỗi lúc chạy, thì do chứng teo cơ của bệnh dữ lúc sơ sinh khiến một bên chân thằng bé thành khớp khiếm. Giặc bay Mỹ đánh vào trung tâm Hà Nội, thằng bé xách mũ rơm sơ tán ra ngoại thành tiếp tục học. Tiếng ríu rần trẻ thơ như tiếng chim non dưới mái trường lợp rạ. Nền lớp âm sâu xuống khỏi mặt đất đến ngang ngực, hầm Cồn Cỏ thay chỗ sân chơi. Ngày ngày con tôi và các bạn nhỏ ngồi nghe cô giáo Liên (cô giáo trẻ nội thành cùng sơ tán với học trò) giảng về sự sinh trưởng của cây lúa, về mầm sống trong quả trứng, giữa khi những Con Ma, Thần Sấm của giặc Mỹ không ngớt bay lượn gieo chết chóc, tàn phá khắp chung quanh.

Có lần, chủ nhật tôi vào thăm con. Trời đang mưa phùn. Gió đồng thổi lạnh. Lũ trẻ, đứa xúc đất đắp nóc hầm, đứa đội than xỉ rải góc sân chơi nhỏ. Thằng bé tôi đang đội chiếc chậu thau con đựng than xỉ, bươn trên đường ruộng lầy. Thấy tôi vẫy gọi, nó chạy vọt lên. Thân hình mảnh khảnh của nó vươn tới, tay giữ chiếc chậu trên đầu, tay quạt ra sau, hai chân nhỏ chạy lia lia, người niễng một bên khác nào con chim có một cánh vẫn cố bay lên. Trông nó bây giờ thật như một cái tượng nào đó của Diệp Minh Châu vậy. Bạn nhớ Diệp Minh Châu Bến Tre chứ? Diệp Minh Châu là một nghệ sỹ lỗi lạc, một tâm hồn yêu cuộc sống chiến đấu và cái Đẹp không bờ bến. Tượng về miền Nam của anh cái nào cũng phơi phới, cũng đều như mọc cánh bay lên. Tượng nói chung bao giờ cũng nặng, cũng đè xuống. Như con người bị sức hút của quả đất, của những thói tật trì trệ cũ kéo xuống, giữ lại. Độc đáo của tượng Diệp Minh Châu là phương pháp, làn nét bay lên, vọt lên, khiến

người đứng trước khối đá được tâm hồn anh thổi vào sự sống, cảm thấy mình cũng bay theo.

o O o

Chim nào có cánh mà không thềm bay, hử bạn? Còn gì tự do hơn con chim bay lượn giữa trời! Con chim ngày nay có đôi cánh tha hồ vùng vẫy trong không trung, nó đã phải trải qua hơn 600 triệu năm liên tục phát triển và hoàn thiện phương tiện bay của mình, nếu không phải từ con thằn lằn nguyên đại cổ sinh đến kỷ Đệ tam Nê- ô- gên, một con vật bò sát bốn chân trèo cây... Thì cũng từ một con thằn lằn hai chân chạy nhanh: để lao tới, phải vận dụng hai cánh tay trước mà bơi không khí cho đến khi hai tay biến thành đôi cánh. Con người, chúa tể của muôn loài, không cánh cũng bay lên được là nhờ những phương tiện do bộ óc thông minh nghĩ ra. Chúng ta là nghệ sỹ. Nói nghệ sỹ trước nhất phải nói tâm hồn. Nếu như tâm hồn ta không có cánh, không khỏe thì làm sao mà bay thoát ra khỏi sức hút của cá nhân, vượt qua lớp u u minh minh vốn bao quanh tâm hồn ta tự nhiều đời mà vút lên tới chỗ Cao, Sáng để nhìn ra đâu là ưu Việt? Bạn ơi! Từ khi đồng bào ta ở miền Nam đồng khởi, nhất là từ bước đầu Tổng tiến công nổi dậy đánh địch dữ hơn, mạnh hơn, đánh liên tục và đều khắp, càng trông những cánh chim bay về Nam, tôi càng nhớ bạn hơn bao giờ hết. si, có lẽ những tiếng chim Việt ngựa Hồ của người xưa, chưa bao giờ ngân giữa lòng tôi thành một nỗi thương đau như chiều nay! Gửi đến bạn mấy dòng lạo thảo, mong lại gặp nhau một ngày không xa ở Sài Gòn giải phóng, tôi lại được thấy bạn khỏe và vui hơn xưa.

(20- 12- 1968)

# TIẾNG GỌI NGÀN

Đoàn Giỏi

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Chuyến Xe Thố Mộ Ngày Giáp Tết

Chúng tôi mò vô xóm Hàng Keo thì nghe đồng hồ trong một tiệm chạp phô gõ ba tiếng. Đường vắng tanh vắng ngắt. Chưa có tiếng xe ngựa nào ra bến. Mọi năm, giặc này bán hàng bông đã kìn kịt gánh dưa, gánh bầu ra chợ rồi. Tiếng mõ canh cộng sản ngoài "nhà việc" làng Thạch Phước chốc chốc lại nện cum... cum... vang âm trong sương dày mù mịt.

- May quá, họ dậy rồi kìa!

Dì Tám Đơn reo lên khe khẽ và khều tay tôi chỉ vào một ngôi nhà lờ mờ khuất sau những bụi chuối um tùm. ánh lửa từ trong bếp hắt một vệt dài đỏ chạch ra sân, chao qua chao lại, chợt khuất hiện lên, bởi một người nào đó ngồi che lấp đang hơ tay hay loay hoay làm gì đấy bên cạnh cà ràng. Mùi phân ngựa và cỏ ả lẫn vào mùi khói rạ đun bếp bay ra, lan lan trong đêm lạnh trời tháng chạp, khiến cho tôi nghe nao lòng.

- Chờ họ bắt kế dắt xe ra đã, dì Tám!

- Vô đại đi. Đứng ngoài đường lâu, không tiện đâu con. Để tao vô trước, coi thử.

Dì quảy thúng bước vào sân. Chó hự mấy tiếng, chứ không sủa. Chó ở chợ gần đường cái, quen gặp nhiều người qua lại, ít khi sủa. Nghe tiếng đàn ông hỏi "Ai đó?" rồi tiếng dì Tám nói gì đó một lúc.

- Vô đây con. Ngồi chờ một lát mà! - Dì gióng tiếng gọi tôi.

Tôi ôm gói quần áo cũ, bọc trong tờ nhật trình Lục tỉnh Tân Văn, ren rén bước vào. Một người đàn ông khoảng ngoài năm mươi tuổi, tóc loăn xoăn, cao to vạm vỡ, khoác hờ chiếc áo bành- tô xám trên đôi vai rộng bè, đang ngồi dang chân trên mảnh đệm bàng cạnh bếp lửa, ngoái lại nhìn tôi.

- Dạ, chào bác! - Tôi cố lấy giọng vui vẻ, mở lời chào.

- Ờ. Ngồi xuống đây cho ấm, chú em!

Ông ta chỉ hơi lách vai lấy chỗ cho tôi bước vào, và quay lại vẫn giữ nguyên bộ điệu cũ, một tay đặt lên đầu gối, một tay cầm lá rượu, hát hàm ra hiệu cho tôi ngồi xuống góc đệm đối diện, trải trên nền đất.

- Siêu nước mắc dịch, nấu nãy giờ mà không sôi. Ờ chú em uống được rượu chớ? Làm với tôi một lá cho ấm bụng...

- Cháu nó không biết uống rượu đâu, ông! - Dì Tám Đơn ngồi chỗ góc chông sau lưng tôi, đỡ lời. Rồi dì vừa tiếp tục nhai trầu vừa khấn khoản

- Ông làm ơn giúp cháu. Nó bao nguyên cỗ xe. Dọc đường, có thêm khách, nó cũng xin trả đủ tiền nguyên chuyến mà.

- Tôi đã nói với chị là bữa nay tôi mắc, không đi mà! Nè chú em, mần với tôi một lá đi. Sao? Không biết uống rượu à? Vậy chắc chú không phải người vùng này?

- Cháu ở trong Lung Tràm...

- Dân Lung Tràm mà không biết uống, lạ thiệt! Cũng lạ!

Dù nói vậy, ông cũng cầm chai rót khoảng nửa lá, đặt trước tôi. Rồi ông khom người tới trước, cầm cúi xé từng miếng cá khô sặc rần nướng, nhai nhóc nhách. Đôi mắt to, núp dưới cặp chân mày rậm đen, thỉnh thoảng lại liếc ngược lên rất nhanh, nhìn tôi. Tròng mắt trắng dã bắt lấy ánh lửa, đỏ



ngồi ngồi. Tôi móc gói thuốc giồng ra, quấn một điếu, châm lửa hút. Qua làn khói thuốc trắng mỏng chờn vờn uốn lượn trước mắt, tôi không bỏ sót một động tác nào của ông ta và cố đoán xem ông ta là hông người gì: Tốt hay xấu? ông ta vẫn lặng lẽ nhai, hàm răng rất chắc, nhai cá khô cả kỳ, cả vẩy, cả xương, gau gấu, không bỏ miếng nào. Bộ ria ngạnh trê còn đen nhánh, to và rậm như củ ấu nhếch nhếch. một dòng chữ gì xanh lè, xăm trước ngực, lấp ló trong chiếc áo thun lá, không trông rõ. Không hiểu sao, mắt tôi cứ bị con dao gác trên đĩa cuốn hút, như kim gập đá nam châm. Chiếc đĩa sành, trong đặt hai quả xoài xanh, mấy trái ớt sừng trâu đỏ chót và có một quả chanh đã chín vàng. Dường như ông bày chơi cho ngon mắt, chứ không đụng đến. Duy có con dao, con dao xếp hiệu "Con chó" mở lưỡi, ánh thép xanh lè dài gần hai tấc như cái boa- nha được mài sắc đến cạo râu được là vật làm cho tôi lo nhất.

- Chú em có giấy thuế thân chớ? - Ông ta bỗng ngược lên, hỏi thình lình, mắt chăm chăm nhìn vào tôi.

- Dạ, có chớ bác! - Tôi vừa đáp vừa cười cười, tay lần túi toan lấy "lá bùa hộ mệnh" ra.

- Ờ, vậy là tốt. Đôn rày "nhộn" lắm, đi đâu phải nhớ thủ theo mình.

Có giấy thuế thân trong người, nhưng nghe ông ta nói vậy, tôi vẫn phập phồng. May mà tôi còn giữ nó. Hôm khởi nghĩa cướp chính quyền xã lúc tập trung nai nịt, dáo mác, tôi bỏ giấy ở nhà, đem theo làm gì. Đến khi anh em gom lại đốt một đồng to tướng, tôi chẳng có nó trong mình nên mới còn. Rồi khởi nghĩa bị đàn áp khốc liệt, bọn Pháp Huy động cả xe bọc sắt, đại bác, máy bay, tàu chiến và bọn lê dương, mật thám, hội tề tận các xã ấp ngày đêm khủng bố trúa lũng. Tôi và anh Thụ ẩn trong bưng hơn tháng. Nhịn đói, nhịn khát, nước phèn vừa chua vừa mặn, hớp vào, chốc lại nôn ra. Sau cùng thấy không chịu nổi nữa. Thụ bàn: "Hay là để mò về giết một con chó, lấy máu bôi vào cổ mình, báo là mình đã tự vận khiêng về. Làm đám ma giả.

Rồi tụi mình trốn đi sau, lấy tên họ khác. Cho chúng nó không theo dõi nữa". Tôi gạt ngay: "Tự vận, trước hết nó cho cộng sản là hèn nhát, hơn nữa, dù sao mình cũng trốn thì trốn luôn. Cần phải làm vậy chi cho mất tiếng!". Thụ và tôi chia tay, người một ngã. Không biết còn ngày gặp nhau nữa không. Trốn thoát cái đã. Biết rằng ngày mai trời lại sáng. Nhưng trước mắt, chân trời đang ùn ùn kéo lên, phủ đầy mây đen giông tố. Tôi về làng ban đêm. Nhà bị đốt rồi. Má tôi che một cái chòi nấu trong vườn chuối. Thấy tôi về, bà mừng và khóc:

- Con trốn đi thôi, con vợ mày tuốt lên Chợ Lớn rồi. Nó có tham gia biểu tình, hội tề lòng dữ lắm. Còn con, ở đây thế nào làng lính cũng giết!

Nhà còn con heo. Má tôi khóc, nói: "Làng mua cúng đình đấy. Tao không bán. Heo tuyền sắc hơn năm mươi ký, mà họ trả có mười hai đồng. Để má làm thịt cho con ăn rồi đi. Má chẳng có tiền bạc gì để lại cho con". Tôi buồn lắm, chỉ ăn có vài miếng gan luộc. Bụng dạ nào mà ăn nữa. Chỉ có thằng Ba Hành hớt tóc và dì Tám Đơn là hai người láng giềng tin cẩn nhất, sang phụ giúp làm heo. Nó chạy về nhà lấy dao kéo, tông đơ qua cạo râu, hớt tóc cho tôi. Râu tóc tôi mọc dài thượt, mặt thám làng lính thấy biết ngay tôi là thằng trốn trong bưng mới mò ra. Chuyện quan trọng vậy mà tôi quên lửng.

- Cúp kiểu nào đây, chú Tư? Gáo dừa ma- ninh phạt hay bom- bê chấn bát lưỡi câu?

Nó bô lô ba la, vừa cười vừa nén giọng kể cho tôi nghe chuyện làng lính bắt nó đi ruồng cộng sản. "Cộng sản đây rồi. Vô bưng kiếm chi cho mất công! Đéo hỏa, thằng nào cũng hùng hùng hổ hổ, gặp lùm bụi cứ đẩy tụi này đi trước. Nó sợ mấy chú phóng tên sắt ra mà. Hò hét rum, chớ nó sợ thọt dái lên cổ!". Ba Hành là một cậu trai mới lớn, làm thợ hớt tóc vườn. Mồm miệng nó như tép lặn tép lội. Chuyện gì nó cũng cười đùa được. Nhờ vậy, tôi thấy có phần nào nguôi ngoai. Một giờ khuya, tôi đi. Trong túi còn bốn đồng rưỡi bạc, má tôi móc hết trao cho tôi.

- Chị đừng lo, chừng nào tôi chết, thằng Tư mới chết! - Dì Tám Đơn chỉ nói có vậy với má tôi, rồi giục tôi lên đường.

Chúng tôi tránh xa các trạm canh, không dám men gần xóm, sợ chó sủa. Dì quảy giỏng như bạn hàng bông, đi trước tôi khoảng mười thước. Tôi lò dò theo sau, có động thì dì báo hiệu bằng tiếng tăng hăng. Hễ đi nhanh, gần quá thì tôi lùi lại, xa quá thì tôi vọt lên. Sương xuống trắng đồng cùng với hơi nước dưới kênh mương, hơi đất ruộng chưa khô bốc lên mù mịt. Lần dò trong sương, đi như vậy hơn tám cây số, lúc nào cũng giữ khoảng cách vừa trông rõ đồng nhau. Bây giờ thì tôi đã sang địa giới một làng, huyện khác rồi. Chuyện vừa mới chiều hôm qua, vừa mới trong đêm sao tôi có cảm giác như xa lắc xa lơ. Duy chỉ có dì Tám Đơn còn ngồi đây, trong gian bếp của ông già đánh xe ngựa khó hiểu này, nhắc nhở tôi phải cảnh giác, chuẩn bị đối phó với những tình huống nguy hiểm mới, biết đâu chẳng xảy ra từ giờ phút này.

- Chú đi đâu... mà gấp vậy? Đợi lát nữa trời sáng ra bến... xe lô, xe ngựa khác thiếu gì?

- Dạ... cũng có chuyện... gấp.

- Con vợ nó mần mướn cho người ta. Bệnh nặng lắm đang nằm dưới nhà thương thí. Nghe nhắn, không biết đến có kịp thấy mặt không! - Dì Tám Đơn nói xong, thở ra một hơi dài đánh thượt.

- Ai mà khỏi chết? Sống chết đều có số mệnh. Nhưng tôi nghĩ sống chết... ờ, sống hay chết cũng do mình! - Ông nhếch ria, dưới chòm ria đen nhánh lấp ló một nụ cười hết sức lạ lùng.

Ngựa dậm chân ngoài tàu lộp cộp, hí ran. Siêu nước cũng vừa sôi. Ông lạng lẽ lấy bình, lấy tách pha trà, mời dì Tám Đơn và tôi uống một tách trà cho nó tỉnh.

- Thôi, bà con cứ ngồi đây nghỉ... Để tôi coi lại coi!

Ông với tay lấy con dao "Con chó" gấp lại. Nghe một tiếng rắc khô và lạnh sắc trong lòng bàn tay to lớn. Rồi ông đứng dậy, khoác áo bành tô lùi lùi bước ra, khuất mất trong tối. Tự nhiên, dì Tám Đơn và tôi cùng đưa mắt nhìn nhau. Thật, tiến thoái lưỡng nan. ở hay đi? Bỏ đi bây giờ chẳng khác nào lạy ông tôi ở bụi này. Mà chắc gì đã thoát. Còn ở thì sao? Ngồi chờ làng lính tới bắt à? Mà chắc gì ông đi báo? Thôi thì một liều ba bảy cũng liều, tới đâu hay đó.

Tùy diễn biến cụ thể, sẽ liệu cách ứng phó. Tôi bước ra sân, tập trung hết nhãn lực nhìn qua làn sương dày, lục lọi tìm xem có khúc cây hay vật gì bén nhọn, lúc khốn cùng, có thể dùng làm khí giới hộ thân không? Có lối nào chạy thoát ra vườn, ra đồng được không? Bóng hai người nào thấp thoáng đi vào ngõ. Họ vừa đi vừa nói chuyện thì thầm. Tôi nép vào đứng bên bụi dứa. à, ông già đã về đây.

- Sao? "Mối bụi" lắm sao bác Hai? - Người kia dừng lại, hỏi.

- Ờ. Kiểm chút đỉnh tiền ăn Tết! Nhớ vậy, nghe mà!

Tôi đứng im lặng không nhúc nhích. Hai lỗ tai tôi lùng bùng. "Mối bụi" hay "mồi bụi"? ông già muốn nói gì đây? Báo bắt tôi để lãnh thưởng chăng? Người kia đã bỏ đi.

- Làm gì đứng đó, chú em? - Vừa bước vô sân, ông đã nhận được ngay ra tôi trong bóng tối.

- Dạ, đi tiểu. Bác đi đâu về đó, bác?

- Ờ... hồi chỗ đám cưới. Chịu mỗi người ta rồi, bây giờ mình không đi, phải hồi. Để người ta kiểm xe khác chớ!

- Mình đi liền bây giờ được chớ, bác?

- Ờ đi được. Mà giác này... còn khuya quá...

Ông vô nhà xách đèn lồng, ra tàu lấy thóc cho ngựa ăn. Hai con ngựa thấy chủ, phe phẩy đuôi hí ran. Ngựa kéo xe mà đẹp như ngựa đua. Một con ô, một con kim. Quả là hai con ngựa đẹp. Con nào cũng to lớn, mảnh dẻ, bờm dày, đầu bé, sống lưng hơi lõm xuống, móng to khỏe. Thật là những con ngựa dùng để kéo, đảm đương công việc chuyên chở nặng nề trên đường, ngoài đồng áng tốt quá.

- Bác có hai con ngựa "chiếng" quá. Phần nhiều ngựa kéo xe của người ta là ngựa xá xiu, ốm gơ xương, mình dài lại thấp, lưng thì sệ phía sau...

- Chú cũng khoái ngựa à? Chắc có đánh xe? - Mặt ông già rộng rỡ hẳn lên.

- Dạ hồi nhỏ cũng có chạp chũm...

- Ờ...!

Ông thở ra một hơi dài, rồi đột nhiên mặt tối sầm lại, mắt đăm chiêu, lặng lẽ lấy bàn chải chải lông cho từng con một, lấy cám quậy cho ngựa uống, lăm lì cho tới lúc dắt một con ra chuồng bắt kể xong, tuyệt nhiên không nói tiếng gì nữa.

- Vái trời cho... cho con vợ con... nạn khỏi tai qua!

Dì Tám Đơn rơm rớm nước mắt móc túi lấy tờ giấy "ngẫu" giúi vào túi tôi: "Dì chỉ còn có bao nhiêu đó!". Tôi từ chối thế nào cũng không được. si, dì Tám Đơn và má tôi, hai bà già nông dân nghèo suốt đời còm cõi, bán mặt cho đất bán lưng cho trời, đã vét cả "gia tài" đến đồng xu cuối cùng, đưa tôi lên đường bôn tẩu. Ngựa gõ móng lốc cốc, xe từ từ lăn bánh. Bóng dì Tám Đơn sừng sờ như bức tượng đá nhạt nhòa, biến mất vào sương. Sương từ trên những cây còng cây tre gie ra đường rơi lộp độp trên nóc xe lộp thiếc hình vòm mũi huyệt, rỏ xuống hắt vào cổ tôi lạnh buốt.

- Sắp tới "nhà việc" rồi!

Ông nghiêng người với tay vặn cho đèn xe sáng to lên. Rồi chọc cán roi ngựa vào cãm xe gỗ khua vang lách cách, báo hiệu xin đường. Tôi ngồi thụt vào trong giữa xe. Trong "nhà việc" một ánh đèn pin phóng ra luồng sáng bạc quét qua quét lại, chắn trước đầu xe.

- Xe ai đó? Đi đâu mà sớm vậy? - Một giọng ngái ngủ quát lên.

- Ông nội tụi mày đây! Hai Thìn đây! - Ông lão cũng quát lại, tay vẫn thúc cương cho ngựa bon đều.

- Trời, đi đâu sớm vậy bác Hai? Chắc lên rẫy dưa thăm bà nhỏ! Mà... Ai ngồi trong xe vậy, bác?

- Bạn hàng lên cắt dưa. Cháu tao.

- Chiều về cho tụi con vài trái, nghen bác.

- Ờ. Mà nè, tụi bây ăn "trái... dứng" không?

- Ông già mắc dịch!

Xe qua khỏi trạm canh "nhà việc". Ông cặp cương vào đùi, móc gói thuốc "Bao xanh" ra, bật lửa đốt một điếu và mời tôi. Tôi cảm ơn, nói mình có thuốc đây và cũng lấy gói thuốc giống ra, quẩn hút. Sương vẫn rơi lộp bộp trên mũi. Tiếng nhạc ngựa ron reng và vó ngựa vẫn bầm đều. Chạy chừng vài cây số, qua cánh đồng trống ngang bãi tha ma, tới một chòm cây dầu, đột nhiên xe bỏ đường cái rẽ ngang, đỗ lại. Ông nhảy xuống xe, buộc cương, tăng hăng lớn mấy tiếng:

- Nghỉ lại đây một chốc.

- Ngựa làm sao vậy bác? - Tôi cũng nhảy xuống xe, hỏi.

- Ờ không có gì. Chú chờ đây chốc nghe.

Ông thò tay nhắc một cuộn dây luyệt to cỡ ngón chân cái máng bên hông xe. Rồi xăm đi hút vào chòm đầu. Ông già này cũng lạ. ông làm gì vậy? Nếu bắt mình thì qua ngang "nhà việc" ông đã la lên rồi. Mình có thù oán gì ông đâu mà ông đưa mình ra đây giết mình? Mặc kệ, tới đâu hay tới đó. Hơi đâu mà nghĩ ngợi cho rồi... Dù nghĩ vậy, tôi cũng nhè nhẹ bước theo, coi ông làm gì. Trời vừa dâm mây ngang. Chỉ thấy sương trắng là bay trên cánh đồng mông quạnh. Cây cối, bụi lùm mọc lúp xúp. Không có nhà cửa ai. Tôi ngồi thụp xuống đất quan sát. A, kia rồi. Trong kia có một mái chòi rơm thấp thoáng bên bờ ruộng. Một bóng người trong chòi chui ra, vác một đoạn tre dài cỡ khúc roi trường. Bóng ông già cúi cúi, khom khom lần tìm, hay đào bới gì. Đã trông rõ người kia là đàn bà. à, họ đang cắt dưa. Tôi thử phào, nhẹ nhõm. Chốc sau, hai người khệ nệ khiêng hai giỏ cần xé dưa hấu, được buộc bằng sợi dây luyệt ban nãy, xâu vào một đoạn tầm vông...

- Chú tên gì, thứ mấy, ở làng nào? - Khi xe còn cách đồn Cây Me chừng một cây số, ông quay lại cười, hỏi tôi.

- Dạ, cháu thứ Tư, tên Tích, ở Thạch Phú.

- Đúng như trong giấy thuê thân chứ?

- Dạ đúng. Giấy của cháu thiệt mà.

- Ờ hỏi vậy để có gì nói cho ăn khớp. Sao không kiếm một cái giấy khác có phải tiện hơn không!

Trời đã sáng, tỏ mặt người. Xe đạp kính coong. Xe lôi bóp kèn te te, tét tét, xe bò lụp cụp lạch cạch ngược hướng chúng tôi mỗi lúc một nhiều. Đồn Cây Me có thằng Đội Quờn ác khét tiếng. Nguy hiểm nhất là cái ải này. ông gò cương cho ngựa đi chậm từng bước một: "Chờ trời thiệt sáng đã...". ánh sáng sớm nhấp nháy xua lá cờ tam sắc bay bay trên nóc đồng. Chiếc thổ mộ bỗng ngoặt ngang, chạy thẳng vào cổng.

- Trời ơi, bác Hai!

- Đừng lo, nó đi Sài Gòn chưa về. Nói mày là em bạn dì với tao, nghe không?

- Xe bác Hai đó hả, đi đâu mà sớm vậy, bác? - Một thằng lính chạy ra hỏi.

- Ờ, có thầy đội ở nhà không? - ông gò cương nhảy xuống.

- Ông đi Sài Gòn chiều hôm qua. Chuyện gì vậy bác?

- Đâu có chuyện gì. Sẵn đi chợ ghé biểu dì Ba nó, vài cặp dưa nhất. Tết chưng bàn thờ chơi.

Dì Ba, vợ bé Đội Quờn là chị em bạn dì với vợ bé ông, người đàn bà giúp ông cắt dưa, khiêng từ rẫy dưa ra ban này. Còn con mẹ này, coi bộ cũng hiền, nhưng mở miệng ra là khoe của. Trong buồng nó treo năm sáu cái đồng hồ chuông Vét- manh- te chắc là chồng nó đi ruồng bố, đốt nhà, cướp giật của ai về. Tay nó đeo vàng có khúc. Nó cứ cầm "ông anh rể" nó và tôi ở lại chơi, lại sai lính chạy ra quán mua cà- phê, hủ tiếu về đãi. Bụng tôi nóng như lửa đốt. Bọn lính trong đồn toàn là lính mới đổi về, tôi không sợ, ngại nhất là thằng đội Quờn. Biết đâu, nó có thể biết tên tuổi tôi. Biết đâu, nó chẳng về bất thành linh. Mấy lần tôi nháy mắt ra hiệu giục ông lão đi, nhưng ông cứ gật gù, điềm nhiên như không. Khoảng tám giờ, nghe con nít vỗ tay reo ngoài cổng: "A, đám cưới! A, đám cưới!" Bấy giờ, ông già mới đứng dậy từ giã. Con vợ bé thằng xếp đồn nhét vào túi chúng tôi, mỗi người một gói thuốc lá "Bao xanh". Nhân có người vào mang tới biểu xếp một cành mai, nó tiện tay biểu lại luôn cho "ông anh rể".

- Còn qua một ải dữ nữa. Mà không sợ!

Ông cười cười dắt xe ra trước đồn, chờ đám cưới tới. Một đoàn xe mười lăm chiếc thổ mộ, treo tòng kết tuội đỏ đỏ, xanh xanh, nối nhau lách cách leng keng vó ngựa phi rầm rập phóng qua.

- Sao bữa nay không đi, anh Hai?



- Ghé đám cưới nhậu với tụi tôi chơi!

Anh em phu đánh xe người nào chạy qua thấy ông già cũng gọi, cũng vẫy chào. Chú rẽ đi đón dâu, mặc áo thụng xanh ngồi xe đầu, vẫy vẫy ông lão, chỉ trỏ con ngựa kim của ông, ra bộ lấy làm tiếc về cái sự vắng mặt chiếc xe "chiến" và con ngựa "bảnh" này lắm. Chiếc xe thổ mộ sau cùng chạy qua. Xe chở nặng gần muốn xệ bàn đạp.

- Thằng Bảy mày ghé lại, tao cho quá giang vài người! - Ông phẩy tay, gọi anh đánh xe.

Hai người mặc áo dài khăn đóng bước sang xe chúng tôi. Coi bộ "oách", mặt nghênh nghênh, có vẻ là hương chức hội tề. Tôi thụt vào trong, nhường chỗ cho họ ngồi ngoài. Đi xe thổ mộ, một là ngồi trước ngang người đánh xe, hai là ngồi sau, chân co chân thòng, lắc lắc đưa đưa, tha hồ ngắm nhìn phong cảnh, ai mà chẳng khoái. Vừa thoát khỏi cái nạn bị dồn chặt như nêm cá mè, lại được chỗ ngồi thoải mái, hai lão nói cười vui vẻ không ngớt lời cảm ơn tôi. Đâu biết vô tình họ lại là tấm lá chắn hết sức vững vàng cho một người mà bọn chúng đang ra sức trúa lũng. Nửa giờ sau, đoàn thổ mộ chở đám rước dâu lộp cộp, lách cách rón rén chạy qua đồn Cầu Sắt, trước khi vào thành phố. Bọn lính trong đồn chạy ra đứng vàng chóa hai bên đường, cười đùa, nói tục tĩu, vỗ tay la hoan hô đám cưới vang dậy.... Tôi chia tay bác Hai Thìn chỗ một quăng thừa người, gần "cầu bắc". Chẳng những bác dứt khoát không lấy tiền chuyển xe bao mà còn tặng tôi cặp dưa, luôn cả cành mai vàng, bảo tôi chịu khó ôm đi đường cho "giống người đi sắm Tết".

Tôi đi chừng mười bước bỗng nghe có tiếng chân chạy đuổi theo. Ông già đánh xe ngựa mới quen biết lần đầu ấy, níu tay tôi rồi run run trao vào tay tôi con dao xếp:

- Chú cầm lấy mà đi đường... ít ra cũng để xe dưa, gọt xoài ăn chớ.

- Sẽ còn có ngày tôi gặp lại bác. Hết sức cảm ơn bác...

- Tôi lắp bắp nói, cố nén xúc động.

- Chú đi bình an nhé! Hễ "anh em" còn sống là còn gặp nhau. Dù có chết, ít nhất cũng còn gặp lại nhau bên nấm mồ.

Bác cười hề hề, mắt nheo nheo ngó tôi. Cho đến bây giờ tôi mới nghe ông già cười thành tiếng. Nụ cười trông chất phác hiền lành như nụ cười ngây thơ của con trẻ, khác hẳn với đôi mắt long lanh và cặp chân mày rậm đen, biểu lộ một ý chí cương quyết dữ dội và dòng chữ xanh lè: "Ninh thọ tử bất ninh thọ nhục" xăm giữa ngực ẩn ẩn hiện hiện sau lần vải áo lót mình trong hai ve áo bành- tô xám bạc kia.

- Chúc bác về bình yên!

- Ờ chú đi. Cho vạn sự lành! Bác Hai Thìn đi mấy bước, vụt ngoái lại vẫy vẫy: "Trường đồ tri mã lực nghe chú".

Cuối tháng 12/1977

# TIẾNG GỌI NGÀN

Đoàn Giỏi

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Rừng Đêm Xào Xạc

- Ba tính sáng mai về thôi, con à! - Bác Trần Vũ nằm trần trở trên võng chợt nghe mùi thuốc lá từ trong màn cậu con trai bay ra bèn thở dài, chép miệng nói khẽ.

- Ủa, ba đã hứa với bác Tám Mun ở chơi vài ba tuần mà? - An hỏi lại, giọng chậm rãi hơi ngạc nhiên, vì anh còn dự tính làm vài phác thảo thuốc nước về các khu rừng mới.

- Phải. Có hứa... nhưng bây giờ ba có việc...

Việc gì? Chắc ông già lại buồn rồi. Cái buồn có phải là một thứ màu sáng làm giảm sắc độ ưu tư trong tâm hồn con người đâu! An nhìn lên nóc màn lơ mơ nghĩ vậy, nhưng anh vừa tiếp tục hỏi bố một câu băng quơ:

- Hay ba giận bác Tám chuyện gì? Hồi chiều thấy hai ông đi thăm Bàn Sáu về, còn uống rượu vui vẻ mà!

- Thì vẫn vui vẻ...

Bác Vũ uể oải bước xuống võng, đến vặn bắc ngọn đèn trứng vịt đặt trên chiếc kỷ thấp chỗ giữa nhà. Gian nhà nhỏ ngời lên trong một sắc đỏ hung hung, phản chiếu bởi màu nâu bóng loáng của mặt gỗ được lát sàn và bốn phía vách ván ám khói. Nghe tiếng nước giật rùng chảy róc rách dưới chân cột sàn nhà chồm ra mép sông trôi về phía biển, và tiếng muỗi không ngớt vo ve ngoài rừng tối. Bác vợ chiếc điếu cày tùy thân mang từ Hà Nội, khom xuống thổi lửa trong mẻ, châm đóm rít lọc sọc. Bác từ từ nhả khói ra, nheo mắt nhìn theo làn khói cay nồng đặc xệt tan dần vào lớp khói củi hun.

Những con muỗi rừng U Minh Hạ dạn khói nhất cũng phải bay dạt ra. Nhưng con này vừa bay ra thì con khác lại lao vào. Tiếng muỗi như cùng dậy ran lên theo ánh sáng ngọn đèn. Bác mơ hồ cảm thấy chuyển về thăm lại góc rừng xưa, lần đầu sau trên hai mươi năm trời xa cách cũng có thể là lần cuối cùng mình trở lại đây. Điều đó có giống như tất cả dĩ vãng đều hiện lên trong thoáng chốc, vào khoảng khắc cuối cùng của đời người trước khi vĩnh biệt chăng?

Mà những ngày cũ cứ vùn vụt nối tiếp nhau, hiện lên rõ mồn một khiến bác nao lòng đến vậy. Nói cho đúng ra thì bác đã có về "đây" một lần rồi, sau ngày đại thắng, mà lần đó bác chỉ mới về tới thị xã Cà Mau thôi. Trần Vũ là người quê Bắc, ngày trẻ theo bộ đội Nam Tiến của Vũ Đức vào miền Tây Nam Bộ đánh Pháp, từ cuối năm 1945. Bị thương, sau đó được giải ngũ, trở thành dân địa phương và công tác ở vùng này. Bác đã thọ ơn cứu tử của một cô gái mồ côi từ miền trên xiêu lạc xuống đó, rồi hai người kết thành chồng vợ. Sau hiệp định Giơ- ne- vơ, vợ bác tình nguyện ở lại. Còn bác thì tập kết ra Bắc, dắt theo đứa con trai duy nhất cho nó tiếp tục được học hành theo ý định khăng khăng của mẹ nó. Xem như hai năm về chơi quê nội nhân thế, hoặc chứ lâu lắc gì. Đâu ngờ vụ thảm sát Phú Lợi, vợ bác có tên trong danh sách các tù nhân chính trị bị Mỹ- Diệm giết hại. Bác đã ở vậy, gà trống nuôi con, nuôi há vọng ngày giải phóng miền Nam chí ít cũng sẽ tìm ra hài cốt vợ, để tự tay đắp điểm cho người mình thương quý nhất một năm mồ. Hai bố con đã về Phú Lợi, lặn lội cả tháng trường khắp vùng quanh, tìm gặp nhiều người dò hỏi nhiều nơi. Bác biết cận kề anh em đồng chí đã khiêng xác người nữ đảng viên dưng cảm ấy tiếp tục đấu tranh với địch ra sao...

Còn như năm mồ? Khi địch đã lén lút, bí mật chờ những xác chết đi mất tích thì họa có Trời mới rõ năm xương tàn ngày đó hiện đang vùi lấp dưới trảng cỏ xó rừng nào. Một chiếc lá xanh thiêu trong rừng cháy thì có còn ai biết cái sắc xanh lục diệp kia hóa vào lớp bụi tro nào? Thế là hết. Vĩnh viễn không còn lưu lại một dấu vết gì của vợ bác nữa rồi. Tuy nhiên, bác vẫn còn

chút ít an ủi cuối cùng. Về thăm lại dấu Bàu Sấu, ấp Thiềng Liềng, chốn gặp gỡ đầu tiên với vợ mình, ít ra cũng còn có chỗ để cắm xuống một vài nén hương. Bác xuống Cà Mau, nằm chờ tại nhà giao tế mất mấy hôm vì mấy chiếc "vỏ lãi" hỏng đang kéo lên bờ sửa chữa. Gặp được vài cán bộ lớp già quen biết cũ, hỏi thăm thì cũng không ai biết bác Tám Mun, người đồng chí thợ rừng xưa hiện ở đâu còn sống hay đã chết rồi. Cả một dọc dài rừng được ven sông ngày ấy, nghe như cũng đã bị chất độc hóa học Mỹ phá trụi... Khi có được phương tiện giao thông để về tận nơi, thì đã tới ngày hẹn phải trở lên Sài Gòn, đưa An ra Hà Nội cho kịp kỳ thi tốt nghiệp. Từ chuyển cha con vào Nam trở ra Hà Nội, người bác như hững hờ. Tất cả trong kia, giờ chỉ còn là những kỷ niệm, mỗi lúc nhớ thêm đau lòng. Bác chỉ còn có thể tìm nguôi quên trong kết quả công tác cần mẫn của một viên chức tu thư. Cho đến mùa hè 1980, bác bỗng nhận được bức thư một cô gái trẻ, xưng "cháu là con gái Tám Mun, biết tin năm nọ bác có về Cà Mau... ía cháu còn khỏe mạnh, má cháu mất rồi, anh cháu hy sinh, còn thì tất cả vẫn như xưa... Nếu bác không chê nhà cháu nghèo và xứ rừng lắm muỗi thì thế nào cũng xin mời bác về chơi một chuyến..." Dưới ký tên út Thảo.

Chỗ khoảng giấy trắng còn lại dưới cùng lá thư, chính tay Tám Mun còn viết thêm chữ to tướng, nguệch ngoạc: "Hay ông quên Bàu Sấu rồi?..." Một cơn gió lạnh từ mặt sông nổi lên, thổi thốc vào khu rừng tối. Rừng tựa mình, thăm thì trong thoáng chốc rồi tắt cả lại chìm vào im lặng.

- Tôi mà quên Bàu Sấu! - Bác Trần Vũ bất chợt kêu lên, giọng khàn khàn đượm đầy chua xót, y như ngày bác nhận được lá thư.

An nhìn qua vách màn thấy bố ngồi phệt xuống sàn nhà, hai tay chống cằm, mắt đăm đăm nhìn sừng ngọn đèn. Ắt có một uẩn khúc gì đây khiến ông bố mình đã phải hai lần kêu lên như thế? Mà điều đó hẳn bác Tám Mun là người biết rõ. Và liệu nó có còn liên quan gì tới mẹ mình chẳng? Hình ảnh người mẹ thân yêu chỉ còn lưu lại những nét lờ mờ trong trí nhớ non nớt của cậu bé con, ngày xa mẹ mới lên bốn tuổi. Hồi mới ra Bắc, An sống

ở trường học sinh miền Nam Đông Triều, thỉnh thoảng bố con mới gặp nhau. Sau tốt nghiệp phổ thông, nhờ có năng khiếu đặc biệt về vẽ, anh được chọn về học hội họa tại Hà Nội, mới có dịp ở chung với bố. Đối với con trai, Trần Vũ vừa có tình cảm thương yêu mẫu mực nghiêm khắc của một người cha, vừa có thái độ chăm sóc dịu dàng độ lượng của một người mẹ. Dường như cố gắng đầy mâu thuẫn đó là để bù đắp nỗi thiệt thòi cho đứa trẻ phải sớm chịu mồ côi. Giờ thì cậu đã tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật và đi thực tập ở Lê- nin- grát mấy năm, sắp hết hạn kỳ. Vào dịp An về Hà Nội xây dựng một tác phẩm hội họa để đưa sang Nga lấy chứng nhận về nước thì gặp đúng lúc bác Trần Vũ nhận được bức thư từ rừng Bàu Sấu. An cũng dự định vẽ một bức tranh về rừng. Thế là hai bố con lập tức đánh điện cho Tám Mun, báo tin sẽ vào và khấp khởi sắp sửa hành trang lên đường. Chuyến hành hương về vùng đất rừng Cà Mau đối với An chẳng những đầy xúc động, hồi hộp, mà còn mang một tính chất, một ý nghĩa hết sức thiêng liêng. út Thảo đã lên tận bến xe Bạc Liêu đón hai người về đây. Cô gái trẻ vui tính, liến thoắng, lúc nào cũng có thể nhảy nhót như một con chim. ở nhà tiếp khách vài buổi, đã lại vội vã trở ra Cà Mau dự hội nghị cán bộ lâm nghiệp toàn miền. Còn bác Tám Mun thì có ai gọi vừa lấy xuống chèo đi đâu đó từ chập tối. Nhà chỉ còn hai cha con mỗi người nằm một chỗ lặng lẽ theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình.

- Tại sao mới ở chơi có năm ba ngày, mà ba lại muốn về? - An ngồi dậy bước ra ngồi xuống sàn đối diện với bố, với tay vịn thêm bậc đèn rồi nhìn vào mắt ông, hỏi giọng bần khoản.

- Cái gì đã qua đi là đã qua rồi. Có đúng hẳn như vậy không con? - Ông bố không đáp mà lại hỏi con một câu thuộc vấn đề khác đang theo đà suy nghĩ của mình.

- Tất nhiên. Cái gì đã qua đi là đã qua rồi... Nhưng con chưa hiểu hết ý ba muốn nói gì?

- Có thể rồi đây con sẽ hiểu! Giờ ba kể cho con nghe câu chuyện này...

Bấy giờ là mùa khô năm 1946... Có hai người thương binh mất liên lạc sau một trận đánh lớn từ mạn Phước Long, lần mò về tới đây. Họ chống xuồng luồn rừng đuổi theo đơn vị nghe đâu rút về hướng này. Xuồng mắc cạn giữa rừng, mà trong bi- đông của cả hai người đều không còn lấy một giọt nước. Anh chàng trai trẻ bị thương nhẹ hơn, bảo bác thương binh già:

- Bác cứ đợi ở đây, để cháu lội ra bờ sông lớn đón thuyền đồng bào xin nước ngọt đem về cho bác...

- Thôi... chịu khó chờ!

Bác thương binh già gãy chân, khát gần kiệt sức, thều thào đáp và đôi môi khô héo cố mấp máp gắng gượng hé ra, vẫn không thành nổi một nét cười: "May ra... còn gặp ai..." Chàng trai trẻ cười lớn:

- Gặp ai... thì cũng phải chờ đến tối, khi nước triều lên tới đây. Mà đêm hôm chắc gì đã có ghe xuồng ai mò vào con lạch nhỏ heo hút giữa rừng sâu này làm gì!

- Nhưng biết sông lớn ở phía nào... Chúng ta đều lạ nước lạ cái...

- Không xa lắm đâu. Phía trước mặt chúng ta đó thôi.

Anh chàng thương binh trẻ vừa nói vừa ngược nhìn theo những cánh diều săn cá đang lượn vòng bên trên làn hơi nước bốc lờ mờ của một dòng sông không trông thấy, khuất sau những cụm rừng thưa. Và anh ta bẻ cây làm gậy chống, xách bi- đông càn rừng lội đi. Bác thương binh già nằm chờ. Chờ từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối vẫn không thấy anh trở về. Cho đến sáng hôm sau, có người đi đốn củi tình cờ bắt gặp bác già nằm lả trong chiếc xuồng con, bên hai khẩu súng trường hết đạn... Đồng bào cấp tốc chia nhau càn rừng, tìm anh thương binh thất lạc. Họ Huy động cả chó lùm sục khắp dọc dài lùm bụi ven sông, mất trọn ba ngày liền vẫn không thấy tăm đông anh đâu. "Nếu bị hùm tha răn bắt thì tất phải còn lưu lại dấu vết chứ". Mọi người đành tự an ủi bằng cách tin rằng anh đã may

mắn gặp một chiếc thuyền buôn nào đó, và biết đâu người ta đã chẳng đưa anh về đến đơn vị rồi cũng nên. Sáng sớm ngày thứ tư, có một người con gái chống xuồng vào sâu trong rừng, tìm bắt ba khía. Cô ta sừng sốt trông thấy vết chân to lớn của một người đàn ông lê lết đi về hướng Bàu Sấu.

- Xứ này, đàn ông có bao giờ chịu đi bắt ba khía! Còn như chú bác nào đó đi săn thì ắt phải có dắt chó theo. Lại không thấy vết chân chó. Có thể là anh ta chẳng?

Cô gái nghĩ vậy mà cứ lần theo vết chân vạch cây rẽ lá, ộp oạp lội bùn đi tới. Tới cái lán rộng, trên phủ dày một lớp rong mềm, bên bờ lán có một tổ cá sấu mới đắp. Bấy giờ đã quá trưa. Ai đâu mà quần áo tả tơi, tóc tai rũ rượi, mặt sừng to như cái sàng nằm tựa lưng bên gốc cây mằm gần đó vậy? Trông không ra người mà cũng không ra ma. Hỏi thì quả đúng anh thương binh nọ. Anh ta đi lạc, nhịn đói đã hơn ba ngày. Đói quá, thấy tổ ong, trèo lên lấy mật ăn. Bị ong đánh, mặt mày mình mẩy tay chân mới sừng to thế ấy.

- Trời ơi, chỗ nguy hiểm chết người, sao anh lại nằm đây? - Cô gái ngạc nhiên, tặc lưỡi, hỏi.

- Tôi thấy cái mả trẻ con mới đắp, chung quanh đất còn lán bóng...

Tôi đuối sức, đi không nổi, nằm chờ tại đây. Định bụng sẽ có người ra thăm, ra mở cửa mả thì theo họ mà về. Ngờ đâu đó là tổ trứng cá sấu. Cá sấu đẻ trứng, bò quanh vun đất đắp lên. Sáng nó nằm hướng đông, chiều nó nằm hướng tây để che ánh nắng nóng mặt trời như thiêu như đốt. Anh chàng thương binh không biết ngờ là cái mả con nít. Sau khi đã cho anh ta uống nước, ăn chút cơm nằm cho lại người

- Đói quá đi gì nổi.

Cô gái dắt anh xuống xuồng chèo trở lại rừng. Không ngờ sau đó anh ta lịm dần rồi mê đi. Bà con xóm rừng xôn xao: "Tại sao biết phía bờ sông



cũng gần, lần ra sông tìm ghe nước mà chú này lại mò vào chốn tuyệt lộ ấy làm gì? Đúng là bị ma rừng dắt rồi! Trớ trêu thay, những con người võ dũng "nhất phá sơn lâm, nhìn đâm hà bá" giữa chốn cùng trời cuối đất này, cộp hùm cá sấu không sợ mà lại sợ ma, mới lạ chứ! Và họ bàn nhau rước thầy pháp đến trúa hồn trúa vía nạn nhân. Thầy pháp chèo ghe đến, miệng ngâm rượu nhai râu phun phì phì, tay cầm năm hương cháy quơ qua quơ lại trước đầu con bệnh, hát rằng: "Hiu hiu gió thổi Cỏ nội ngàn mây Hồn ở đâu đây Hồn ơi hồn hỡi Xa cây xa cối Xa cội xa nhành Đầu bãi cuối gành Hùm tha sấu bắt..." Giữa đêm khuya khoắt, tiếng hát gọi hồn rộn người của lão thầy pháp già mắt đỏ ngầu, vẫn còn âm vang trên mặt sông đen ngòm và một dãy rừng mờ sương. Hôm sau, lão ăn thịt gà, uống rượu, lặn ba đồng bạc đi rồi, anh thương binh nọ vẫn nằm mê man bất tỉnh. Mông sống kể như chỉ mảnh treo chuông. ở xứ rừng thời buổi giặc giã này, tìm được danh y đâu phải chuyện dễ, trừ phi chèo thuyền đưa con bệnh ra tới chợ Cà Mau. Mà Cà Mau thì giặc Pháp đã chiếm đóng rồi. Các bà già ngồi sụt sịt mũi:

- Nó từ ngoài Bắc xa xôi, lặn ngòi ngoi nước vô đây đánh giặc cứu bà con mình. Nói đổ sông đổ biển, ví như có hy sinh chốn trận tiền thì cũng đành một lẽ đi. Đàng này lại bỏ mông giữa thanh lâm u cốc không phải vì hòn đạn mũi tên. Mà bà con mình đành chịu bó tay!

- Đâu dễ dàng vậy, các má? Để con lên coi coi...

Đúng lúc ấy cô gái đã tìm gặp anh bữa trước cặp xuồng vào sân nhà, vừa bước vội lên vừa nói vọng vào. Anh thương binh lạc rừng vẫn nằm lịm đi trên bộ vạt kê gần bếp lửa, mắt lim dim, hơi thở đoản, môi xanh nhợt nhạt, tay chân buông thõng. Cô gái kéo vạt khăn rằn lau mồ hôi trán, nhìn anh và lắc đầu:

- Trúng phong nặng lắm... Nhưng còn nước còn tát, con tin còn cứu được!

- Ủa con nhỏ này, bộ mày là... thầy thuốc sao Tư?

- Nghe đâu như tía nó trước kia là thầy thuốc nổi tiếng miệt Gò ân, Nước Xoáy gì đó mà!

Cô Tư- chính cô gái trẻ ấy- lấy tạm chiếc trâm cài tóc của mình lược kỹ lau sạch bằng rượu gừng, dùng phép châm cứu châm ngay hai huyệt cốc: nhân trung, bách hội dưới mũi và giữa đỉnh đầu bệnh nhân.

Thấy tim anh đập nhanh mà nhịp đập yếu, cô bèn châm thêm vào hai huyệt thần môn chỗ cổ tay về phía trong mạch, đoạn dùng gừng và nước giải trẻ con cho uống, lại lấy nước gừng xoa khắp cơ thể...

Anh dần dần tỉnh lại, vài hôm sau uống thêm vài thang thuốc nam, sức khỏe của anh đã hồi phục lại bình thường. Bệnh thì nặng đến mức ngặt nghèo, bà con đâu ngờ bằng phương pháp đơn giản của dân gian mà hiệu nghiệm khôn lường đến vậy. Cô cho biết: Anh đã bị thương, yếu rồi, lại nhịn đói hơn ba ngày giữa rừng, "chính khí hư tổn", ra tới sông lớn gặp phải nắng gió, tức là gặp phải "ngoại tà" như phong, hàn, thử, thấp... bất kỳ ai yếu mà gặp một trong những điều kiện thời khí bất hòa này thì cũng đều bị. Thế thôi, chứ có phải bị oan hồn uống tử gì bắt đâu. Bà con chịu lời giảng giải của cô nhưng có người còn thắc mắc: tại sao anh thương binh lại đi ngược vào hướng Bà Sáu, nếu không phải bị ma rừng bắt? Chuyện ấy, mười hôm sau khi Tám Mun dẫn hai cậu thanh niên vào Bà Sáu đâm bắt được con cá sấu và hốt luôn tổ trứng mang về làm tiệc, trong bữa rượu vui, anh đã kể lại thế này:

- Tôi đang đi bỗng thấy có con bìm bịp con mới tập bay sập sện lúi vào bụi để. Tôi vung gậy đuổi theo, tính bắt về cho bác già, bởi từng nghe nói chim bìm bịp chữa trị gãy xương hay lắm.

- Phải rồi! Phải rồi!

- Chẳng những ngâm rượu uống rất tốt mà xác nó giã nhỏ đắp lên vết thương, xương gãy nát cũng lành ngay trong vài bữa!

- Nhiều người đồng tình nói thêm.

- Vậy rồi sao nữa? Vậy chắc là nó cứ dặt lằn, đưa chú vô đó chứ gì?

Anh thương binh lắc đầu, rùng mình một cái:

- Đâu phải! Thấy tôi đuổi theo, nó vụt lúi sang bụi để bên kia. Tôi bèn lội qua đám lục bình... Bỗng nghe khi... ì... ì... một tiếng lớn, rồi chân tôi nổi vồng lên. Tôi sợ quá không biết dẫm phải con gì. Liền trèo đứng lên một gốc cây mắm, lấy gậy hất lục bình lên xem. Mãi không thấy gì. Tôi lại lần vào trong, thấy phía trong có một khoảng trống nhỏ bằng cái mâm toàn bùn, có một khúc to bằng cái chân rút qua, rút qua đi hoài không dứt. Eo ôi! Mình nó đen thui, đi chậm từ từ, đen loáng có người chớp chớp. Khúc đó, nhỏ dần, nhỏ dần... còn cái đuôi. Tôi nén thở, đứng trố mắt xem. Gậy mà làm sao dám đập!

Tám Mun ực một hớp rượu gừng, cười lớn:

- Thứ đó, xứ này thiếu gì! Đó là rắn hổ đất sống cỡ bốn năm chục năm...

- Vậy rồi sao nữa? Sợ quá không dám đi tới nữa chứ gì? - Một người hỏi.

- Vâng. Nhưng không phải chỉ sợ con rắn đó. Còn ghê hơn nữa kia. Chờ nó đi một lúc khá lâu, tôi mới lội chếch ngược lên, lần ra hướng bờ sông. Bấy giờ đã chiều rồi. Chợt thấy phía mặt trời lặn xa xa có hai cây sào dựng đứng trên ngọn cây. Hễ cây sào đó ngả về phía nào thì chim cò phía đó kêu rộ lên, cất cánh bay tứ tán. Bụng mừng lắm, nghĩ là bà con đang trèo lên cây quơ sào đập chim, tôi bèn xăm xăm bươn tới...

Những người ngồi bên bếp lửa đồng thanh cười ha hả, gật gù nhìn nhau nhưng không ai nói gì, lại rót rượu uống và chúm chiém cười lắng chờ nghe anh kể tiếp.

- Tôi lội gần đến nơi... Trời đất quý thần ơi! Thì ra đó là hai con rắn gù to lắm, mình xám mốc, vảy nổi như trái mây, đang cất cổ lên khỏi ngọn cây đón bắt chim về tổ...

- Rắn hổ mây chứ rắn gì nữa!

- Vâng. Vâng. Thảo nào mình nó vẩy nổi trái mây. Một con chim gù to bằng con ngỗng bị nó đớp được, đập cánh giẫy kêu quang quác. Nó ngậm con chim vung qua vung lại, lông đỏ trắng xóa, còn cả cành cây ngọn cây thì chuyển động ào ào như bão giạt sắp nhổ tung cả rễ. Tôi nhắm mắt nhắm mũi chạy ra xa. Nhìn về phía đầu cây xa lại thấy có năm sáu "cây sào" khác dựng đứng trên nền trời đỏ rực. Tôi thất kinh hồn vía, quay ngược lại, nghĩ rằng sông lạch xứ này chẳng chịt như mông nhện, mình đi phía nào mà chẳng tới sông. Cứ thế tôi đi. Ngờ đâu... Cho tới cái hôm cô Tư đây tìm gặp tôi nằm ngoắc ngoải bên Bàu Sáu!

Đôi má cô gái đỏ bừng lên, không biết có phải vì ánh lửa hay bởi những cốc rượu hết người này tới người khác cứ thay phiên nhau chuốc, bắt ép cô phải uống, hay bởi cô vừa bắt gặp cái nhìn đầy sự biết ơn và chứa chan trìu mến của chàng trai xứ Bắc? Có thể vì tất cả cũng nên. Hơn năm sau, anh thương binh được giải ngũ trở lại ấp Thiềng Liềng. Vợ chồng Tám Mun đã đứng ra tổ chức một đám cưới "đời sống mới" cho hai người kết thành chồng vợ... Biết họ là ai không? Người con gái đó, cô Tư đó chính là má đẻ con đó, An ơi! Giọng bác Trần Vũ như khản đi, bác cúi xuống về một mồi thuốc lào mà những ngón tay cầm đèn thuốc cứ run run.

- Chuyện này, lẽ ra con phải được biết từ lâu. Nhiều lần ba cũng đã định kể cho con nghe, nhưng mỗi lần sắp nói ba cảm thấy cổ như nghẹn lại... Ba có lỗi với má con nhiều quá... Có tấm ảnh duy nhất của má con, ba cũng không giữ được... để đến nỗi bây giờ con không hình dung nổi gương mặt mẹ ra sao! Ba rất đau lòng!

An ngồi lắng nghe chăm chú. Câu chuyện tình duyên của bố mẹ anh, hình thành trong một bối cảnh dữ dội và đẹp quá! Từ lâu, anh mặc nhiên xem sự cút côi của mình là một số phận. Giờ đây, qua cơn xúc động anh chỉ cảm thấy buồn lâng lâng, mơ hồ, giống như người nuối tiếc giấc chiêm bao, cố nhớ lại những hình ảnh... những gương mặt dường như quen lắm mà không sao hình dung rõ rệt được.

- Tấm ảnh không còn vì rủi ro bị mất cắp đã đành, mà một vài kỷ niệm có liên quan tới mẹ mà ngày xưa, còn trông thấy sờ sờ đó, bây giờ tao cũng không giữ được!

- Bác Trần Vũ bỗng đột ngột vung tay nói to một cách bất lực rồi bác từ từ cúi xuống úp mặt giữa hai đầu gối, thở ra.

o O o

- À! Hai bố con còn thức đó hả? Tưởng ngủ cả rồi... - Bác Tám Mun lách kích buộc xuống dưới chân cầu thang, nói với lên.

- Muốn ngủ mà có ngủ được đâu, anh Tám!

- Bác Trần Vũ đứng dậy thắp thêm chiếc đèn "tọa đăng", cầm bước ra soi cho Tám Mun thấy đường lên.

- Khỏi. Khỏi. Mình lộn giữa rừng ban đêm còn không vấp một rễ cây. Bố con ông còn thức đó thì hay quá. Mà có ngủ rồi thì mình cũng lộn dậy chứ!

- Chuyện gì vậy, anh Tám?

- Có chuyện gì đâu. Nhậu chơi vậy thôi. Thịt heo rừng mà! ở Hà Nội chắc ít khi bố con có dịp nhậu.

- Để mai cũng được mà. Mới nhậu hồi chiều...

- Hồi chiều là cua rang muối, canh chua cá lăng. Còn bây giờ là thịt heo rừng nướng. Hễ có, phải mần ngay. Ông đi lâu ngày, quên mất tục lệ xứ rừng rồi. Với lại để bàn tính coi ngày mai...

Thì ra Tám Mun chèo xuồng xuống ấp dưới, gặp đoàn nhà văn mới từ ngoài Bắc vào, người ta tính cậy bác đưa họ xuống Rạch Mũi tham quan rừng mấm. Trước đồng khởi chưa có khu rừng này. Hồi đó thằng Diệm nó kẹp chặt vùng Mũi, bà con qua lại rất khó khăn, có khi phải đổ máu. Chi bộ Viên An chủ trương đào một con kênh nhỏ đi tắt từ Rạch Tàu ra Rạch Mũi dài ba cây số, để tránh địch. Đồng bào hè nhau móc bằng tay. Toàn bãi lầy, đâu dùng cuốc xẻng gì được. Vậy mà hoàn thành chỉ trong có hai ngày. Hai bên bờ, bà con trồng mấm... Bác Tám Mun cầm nguyên một gắp thịt nướng cháy cạnh thơm lừng suốt vào bát cho An, nhường mắt:

- Làm tới đi cháu. Học bên Nga về mà sao làm yếu vậy? Hồi này, nghe các ông ấy nói bên Nga có thứ Guốc-ka gì đó, cũng thứ dữ không thua rượu đế của mình...

- Dạ, Vốt-ka.

- Ờ, Vốt-ka hay Guốc-ka gì thì cũng là rượu thôi. Nè, mà đừng có quên gốc mạy cũng nảy từ cái xứ rừng này đạ! Làm tới tới đi.

- Dạ, cháu... yếu lắm...

- Yếu thì nhâm nhi... lai rai với bác và tía mạy. Có chuyện gì đâu. Ờ mà nghe nói rừng bên Nga họ trồng ngay hàng thẳng lối, dưới đất sạch bong không một cọng cỏ phải không? Ước gì tao được qua đó thăm chơi một chuyến, có chết cũng hả. Mà thôi, chuyện đó còn lâu. Đang nói tới cái gì, quên rồi. à, chuyện khu rừng mấm dưới Rạch Mũi. Kỳ diệu phi thường mà mạy...!

Tám Mun mặt mạy rộng rỡ quay sang Trần Vũ, nói tiếp:

- Hồi đó tôi có tham gia công chuyện này. Lúc đó kênh mót rộng khoảng một thước, sâu lút đầu gối, nằm sát biển, vậy mà bây giờ thành một nhánh sông sâu ngập nửa cây sào, rộng đủ cho ba chiếc ghe máy chạy song song, nước cuộn cuộn tuôn ra biển. Còn mầm trồng hồi đó đã thành rừng già hơn hai mươi tuổi, bên bờ trái của nó, cũng mọc thêm. Mũi đất bồi rộng một cây số rưỡi, thành ra nó lọt thỏm giữa một thẳm rừng dày... Quả như lời thiên hạ, xứ này "rừng từ dưới biển mọc lên". Có thể nói cây mầm là cây tiên phong của rừng Cà Mau, có thể sánh như các bậc tiền bối, từ buổi ông bà mình mở đất về phương này được vậy.

- Sao cháu đọc sách báo, thấy người ta nói cây đước là linh hồn của rừng Cà Mau mà?

- Cũng đúng. Bởi cây đước là cây chủ lực ở đây mà. Mặc dầu mầm có trước, đước có sau, rồi sau nữa mới tới tràm. Tất cả các ngôi nhà vùng biển này, xưa nay đều dựng lên toàn bằng cây đước. Cho tới rặng phôi lưới, cột đáy sông, cột đáy bàu khơi... những cây cầu khi đi lại trong ấp và những "con đường" nối nhau chạy ngoằn ngoèo, ngang dọc và sâu trong các "làng rừng" hồi những năm đánh Mỹ... Gọi cây mầm là cây tiên phong, còn cây đước là cây chủ lực đều đúng cả có gì mâu thuẫn đâu!

- Nghe nói than đước tốt lắm hả bác?

- Nhất xứ mà. Thì cháu không thấy mình đang nướng thịt đây sao? Cháy phơ phất lửa xanh có khác gì than đá đâu? Mấy ống nói nó nóng tới 6600 ca- lo ca- lô gì đó không biết nữa. Gỗ nó chắc thật lắm, đóng bàn ghế giường tủ... còn xẻ ra làm ván lát sàn thì số dách. Nhà này mới cất sau đại thắng mà mặt sàn láng bóng, lên nước đỏ au, cháu không thấy sao? Cây lim phải bốn trăm năm mới xẻ được ván mặt 45 phân, chứ cây đước mười mười lăm năm đã cao hai ba mươi thước, xẻ được ván mặt 50 phân rồi! Thắng Mỹ ác quá nó rải chất độc hóa học, tính triệt hết cây rừng Cà Mau là nó tính lột da mình. Đất đai trần trụi thì con chim trên trời, con cá dưới nước cũng chết. Ờ, mới đây trên Lung Rắn trời mưa xối mòn lớp đất mặt, người ta phát

hiện thấy ven khu rừng chết toàn sọ cá trê. Đào xuống tới đâu gặp sọ tới đó. Còn ở một chỗ khác thì tập trung toàn là xương cá sấu. Nếu đào hết thì phải chở cả ghe chài. Sọ cá trê bị ngấm chất độc thứ gì mà đen thui, thấy phát sợ. Rừng chết, cỏ cây muông thú đều chết thì con người sống vào đâu! Thật là quá ác! Mà nó làm sao diệt hết nổi cây rừng xứ này chứ? Đước, vẹt, giá, dà, tràm, chà là, dừa nước... tất cả mọi thứ cây rừng đều chết, nhưng còn một giống đương đầu, thẳng Mỹ phải chịu thua. Biết cây gì không? Nó là cây mả đố. Lá héo, lá rụng rồi lá lại nảy mầm xanh tươi trở lại như không. Có chuyện gì đâu!

Mặc cho Tám Mun bô lô ba la với An, bác Trần Vũ ngồi lặng lẽ uống từng ngụm rượu nhỏ, mắt đăm chiêu nhìn ngọn lửa. Ngẫu nhiên nào khiến xui nên cuộc tìm gặp dưới cội mả bên rừng Bàu Sấu, để từ đó ơn cứu tử kết chặt hai tấm lòng tha hương thành một khối tình? Rồi kẻ Bắc người Nam và giờ đây dương gian âm cảnh chia đường đôi ngã. Chỉ có những cội mả xưa bên Bàu Sấu còn lại thành cổ thụ vẫn đứng trầm ngâm đó. Rễ cây nào cây nấy ngoằn ngoèo bò lan thành chùm rậm rạp, cành nhánh cây nào cũng sù sì uốn khúc như những con rồng. Bao trận mưa khai quang của thẳng Mỹ không diệt nổi nó. Vậy mà bây giờ Tám Mun đồng tình với người ta để triệt nó.

- Cái gì đã qua đi là đã qua rồi! - Bác Trần Vũ lại chép miệng nói như tự nói với mình, và từ từ đặt cốc rượu xuống. Một giọt nước mắt lăn ra, ngập ngừng đọng lại bên chòm ria, rồi rơi vào giữa lòng chiếc cốc vừa uống cạn.

- Ủa, chuyện gì vậy, ông Vũ? - Tám Mun đang thao thao bất tuyệt bỗng dừng lại, chồm tới ngơ ngác nhìn vào mắt ông bạn già.

- À... chuyện cây cối này giờ của anh... khiến tôi nghĩ về lẽ thường tình biến dâu lòng thiên hạ. Phải. Cây mả phải nhường chỗ cho cây đước, rồi cây đước phải nhường chỗ cho cây tràm, đó là quá luật của sự hình thành nên xứ rừng U Minh này. Có là bậc "khai quốc công thần" như cây mả đi nữa, khi thế tình biến đổi thì cũng chẳng ai nhớ tới nó làm gì!



- Chà... chà... Thôi, tôi lạy ông. Hồi chiều, bên Bà Sáu tôi đã nói cặn kẽ với ông rồi. Rằng tôi bây giờ được bà con bầu ra làm việc, có chân trong đảng ủy, ủy ban thật đó, nhưng tôi đâu có quên gốc mình là anh thợ rừng xưa. Con gái tôi cũng là con gái nghề rừng, mà tôi lại ông đồng tình với chuyện phá rừng ư? Tôi đã nói với ông là các ông cán bộ ở Tá Y tế về bảo rằng đất chỗ Bà Sáu toàn lung, bầu, vũng... nó là cái gì quên rồi? à, nó là "sinh địa cảnh" rất thích hợp với sự phát triển của muối, vì vậy phải đốn hết cây, cải tạo thành đầm nuôi cá, nuôi tôm...

- Ở đó, toàn những cây mắm già, thứ vô tích sự chứ gì?

Bác Trần Vũ thều thào, mặt tái xanh, với cầm chai rượu rót vào cốc trào cả ra sàn nhà rồi ngửa cổ uống một hơi sạch cốc.

- Thôi, xin phép anh Tám, để ngày mai tôi về!

- Có chuyện gì đâu mà căng vậy, ông Vũ. Ông muốn về, tôi cũng nhất định không cho ông về mà. Tại ông tưởng tôi có quyền quyết định mọi chuyện, nên ông giận tôi lắm chứ gì? Nói thật, phá vạt rừng Bà Sáu, tôi cũng đau lòng chứ. Đâu phải riêng một mình ông. Chính ngôi mộ vợ tôi còn nằm ở đó, ban chiều ông cũng biết...

Tám Mun thở dài, cúi xuống cời than một lúc rồi nói tiếp, giọng trầm hẳn xuống.

- Ông tập kết ra Bắc rồi, ông đâu rõ hết gian khổ của vợ chồng tôi. Thăng Mỹ phá trụ rừng đước ven sông. Vợ chồng con cái tôi phải dặt dứu nhau vào che chòi nường nấu dưới các cội mắm vừa phủ lại sắc lá màu xanh. Những năm ác liệt nhất, chúng cần đi quét lại, vây rừng chặn hết mọi nẻo giao thông. Một hột gạo cũng không có. Cả nhà tôi và anh em cán bộ, du kích còn bám trụ phải hái từng thúng mắm luộc đi luộc lại năm bảy lần cho hết đắng, để ăn thay cơm hằng tháng. Còn nước uống thì phải múc nước mặn cất lên, hứng từng giọt. Vợ tôi bị chất độc hóa học xong mù đôi mắt,

rồi chết mấy tháng sau đó... Trước lúc xuôi tay, bà dặn con út Thảo bấy giờ mới lên mười tuổi: "Gì thì gì, tía con mày cũng phải gấp gáp trồng lại rừng đi. Chuyện sống chết như chuyện đánh Mỹ đó". Thằng Hai tôi - không biết cháu An đây còn nhớ không chứ - lúc cháu ba bốn tuổi nó vẫn hay công cháu lợi rừng bắt cua.

- Ở nó cùng anh em du kích nguy trang làm dân đánh cá, ra cả chục cây số ngoài biển chặn đánh bọn hải thuyền địch, rồi hy sinh giữa biển. Còn lại có hai cha con. Tôi thì có mấy khi ở nhà, hết việc nọ tới việc kia, nào lo tiếp tế nào lo tải thương... Địch khủng bố càng ác liệt, trực thăng từng bầy phành phạch bay đen như ruồi, hễ phát hiện một sợi khói bốc lên trên cụm rừng nào thì lập tức từ xa nó đã "cảo... ùng, cảo... ùng" phóng rốc- két xuống ngay. Ban ngày chẳng ai dám ra các trảng trống săn con cầy, con cáo. Đêm nọ tôi đi công tác về khuya, thấy út Thảo một mình đang bơi xuống giữa bãi sinh loang loáng nước. Nó mặc chiếc áo cộc tay bạc phếch. Dưới ánh trăng xanh lạnh ngắt, chiếc xuống nó chầm chậm nhích từng khoảng ngắn. Thoạt đầu tôi không biết nó làm gì. Thì ra nó đang thực hiện lời trăng trối cuối cùng của mẹ nó. Tay trái nó khóa dầm, tay phải thoăn thoắt cầm từng trái đước xuống bùn. Bãi bùn mênh mông, trông nó càng bé lại như con dã tràng. Tôi ới nó: "Thôi về, về đi con. Chuyện đó để cha làm cho mà!" Biết nó trả lời sao không?

- Để chờ ba!... Chờ cho thằng Mỹ nó phá hết rừng không chỗ ở à? Sớm giờ nào hay giờ ấy. Con phải tranh thủ làm giúp ba chứ. Ba về trước đi, con trồng hết xuống trái này rồi con về liền mà! Tới hừng sáng nó mới về, mình mẩy lấm lem... Vài tuần sau, những trái đước út Thảo cắm xuống đã mọc rễ, đâm lá sữa. Hơn năm sau đã thành bãi đước cao lút đầu tôi rồi. Những chi rễ vừa kịp lớn lên như những cánh tay thò ra bám đất, giữ cho cây đứng vững giữa bùn lầy thì thằng Mỹ lại thả sương mù hóa học xuống. Rồi út Thảo lại bơi xuống ra sông vớt từng trái đước trôi, ky cóp trở về trồng lớp khác. Trời ơi, nó kiên nhẫn còn hơn con dã tràng mà. Để mai một nó về, nó

kể hết mọi nỗi đoạn trường cho ông nghe. Thôi uống đi chứ, ông Vũ. ông có còn hờn tôi, có muốn bỏ về nữa không?

Trần Vũ nghe tim mình nhói lên. Dù vậy, bác vẫn không muốn thay đổi ý định:

- Trước sau gì rồi cũng phải về mà. ở lâu chỉ thêm buồn, anh Tám ơi! Còn thằng cháu An thì tùy nó...

- Con ở lại, ba à! Con còn phải vẽ nhiều. Mai mốt con vào Bàu Sấu làm một số ký họa, không thì rồi đây sẽ mất hết. - An cúi cúi nói mà không nhìn bố, và châm một điếu thuốc hít lấy hít để.

"Vẽ thế nào đây? Thiên nhiên ở đây vừa rất mực hiền hòa, mà cũng vừa cực kỳ dữ dội. Mình làm một bức tranh về rừng, không thi mà cũng như thi, còn hơn thi, bởi nó thiêng liêng quá đối với mình. Chỉ e sức không làm nổi. Thể hiện cách nào đây? Thuốc nước trên lụa chẳng? Nhẹ nhàng mềm mại quá. Sơn mài chẳng? Cũng chưa ổn. Sơn dầu chẳng? Trên thế giới, xưa nay có biết bao nhà danh họa chuyên vẽ rừng vẽ thiên nhiên bằng sơn dầu rồi. ở Nga như Sứ- kin, như Pê- rốp... như Lê- vi- tan. Vẽ như Lê- vi- tan chẳng? Những bức tranh mùa thu nổi tiếng của Lê- vi- tan còn lưu lại bảo tàng Trê- ti- a- cốp Mát- xơ- va, đẹp tuyệt vời. Tất cả đều mang một nỗi buồn nhớ xa xôi... Bãi biển đầu hiu, một cánh hải âu. Chiếc cầu gỗ bắc qua đập nước chiều hôm... Buổi chiều thu vàng, dòng sông quanh lượn lờ, những cây bạch dương lá vàng, bờ cỏ úa heo hút con đường mòn... Tất cả đất trời cây cỏ dưới mắt Lê- vi- tan, đều nhuốm trong một sắc vàng buồn, yên tĩnh, không rực rỡ chói chang như vàng Van Gốc. Mà rừng phương Nam hùng vĩ bạt ngàn của quê mẹ ta bốn mùa náo động một sắc lá màu xanh. Vẽ như Vơ- ru- ben chẳng? Dùng toàn sắc độ lạnh tím, biếc, xanh, đen màu rất ma quái trong bức Đi- ê- mông mà từ 1902 đến giờ còn rất nhiều người tranh luận, cãi nhau về màu sắc, nội dung. Cũng có thể mình chỉ dùng chủ yếu là xanh và nâu chứ không chơi tím. Vơ- ru- ben trong Hoa Xá- rin đã đạt tới đỉnh tột cùng của nghệ thuật dùng tiếng nói màu sắc. Tím và xanh của ông

rất huyền ảo, như trong chuyện thần kỳ dường nửa thực nửa hư. Không. Nhất định là không thể bắt chước người khác. Tìm tòi và thành tựu của họ chỉ có thể gọi cho ta một phát kiến gì." An nhìn theo làn khói thuốc thờ ra và chậm rãi lắc đầu.

- Sao, con bức mình về chuyện ba phải về trước con à? - Bác Trần Vũ hỏi, giọng buồn buồn.

- Dạ, đâu có! Con đâu dám. Con đang nghĩ không biết phải vẽ bức tranh của con về rừng Cà Mau như thế nào đây cho ba vui lòng. Đành rằng tất cả những gì đã qua đi là đã qua rồi. Nhưng trong bản thân hiện tại nào cũng đều mang một nguồn gốc quá khứ và cũng đồng thời chứa đựng một mầm mống tương lai. Cái mắt thấy bên ngoài thì dễ mà lột tả được điều hiểu biết bên trong mới khó. Bởi một khu rừng đều có cuộc sống, biến đổi... có lịch sử thăng trầm của nó như đời sống buồn vui của con người. Mới nghe chuyện ba và bác Tám, con đã "ngợp" rồi.

Tám Mun khoát tay, cười cười:

- Chuyện của bố mày và tao là chuyện đời xưa. Cháu là lớp bây giờ. Chuyện rừng bây giờ cũng ối ra đây. Mà muốn biết thì phải hỏi con út Thảo, nó thuộc nhiều hơn bác.

Cả ba người cùng im lặng. Những phút im lặng đột ngột giữa lúc cuộc rượu chẳng trọn vui, mang nhiều tâm trạng éo le của người cùng ngồi quanh mâm thế này thường khiến người ta dễ sinh chán nản, mệt mỏi, và nói cười gượng gạo.

- À ai vừa tộp máy... có khi con út Thảo về cũng nên!

- Bác Tám Mun bỗng nhồm lên nói vậy, rồi nhìn ra sông nghe ngóng.

- Ba ơi ba! Còn thức đó hả ba?...

- Đúng là nó. Bố con ông Vũ coi tôi nhắc có linh như miếu không chứ? - Tám Mun cười lớn, mặt mày rộng rãi, bộ tịch trở lại vui vẻ hoạt bát hẳn lên như khi mới xách đèn heo rừng về.

Chốc sau, nghe có tiếng vục gàu kéo nước rửa chân sạt sạt và tiếng cười rúc rích ngoài sàn cầu. Rồi út Thảo bước vào nhà, dắt theo một cô gái trẻ vai đeo máy ảnh, đầu trùm kín khăn rằn. Cô gái tùm tùm tháo khăn ra và đặt chiếc túi du lịch xuống cạnh chân, cúi đầu chào mọi người.

- Con nhỏ này là bạn con, hồi trước cùng học trường trung cấp lâm nghiệp. Bây giờ nó làm phóng viên báo tỉnh, bên Kiên Giang. Tên nó là con Kim Dung

Rồi út Thảo quay sang bô lô ba la giới thiệu về bố con bác Trần Vũ với cô bạn trẻ của mình, đoan mặt mày tinh bơ, hỏi bác Tám Mun.

- Nhà còn có gì mặm mặm ăn cơm không ba? Nghe mùi thịt nướng thơm điếc mũi từ lúc còn dưới sông, đói bụng quá! Hội nghị xong, gập xuồng chở gạo về Rạch Tàu, tụi con liền nhảy xuống quá giang về đây. Chẳng kịp ở lại dự liên hoan buổi tối.

- Thịt heo rừng nướng thiếu gì đó, con.

- Ồi, mời nhậu để ba đãi khách. Mà nói vậy chớ con có mua mấy ổ bánh mì, lạp xưởng. Có cả cà- phê, đường sữa. Đường, sữa là tiêu chuẩn bồi dưỡng của con, không phải mua mà.

- Ờ! Mà ba hỏi mày kiếm ở đâu ra cái này mày đội vậy?

Bác Tám Mun nheo mắt nhìn chiếc mũ lông màu nâu xám đội lệch trên đầu con gái, thứ mũ hao hao kiểu bộ đội biên phòng miền Bắc, bác thường thấy trong các phim truyện, phim thời sự trung ương, tỉnh đưa về chiếu ở đây. út Thảo đứng chéo chân, khuynh tay ra sau lưng mặt ghêch ghêch:

- Ba coi con đội có đẹp không? Đẹp hả?

Nói xong, xòe hai bàn tay ra làm bộ xấu hổ che mặt, khom xuống cười ngật nghễ.

- Con nhỏ này lúc nào cũng đùa giỡn được. - Tám Mun quay sang nói với bác Trần Vũ đang mỉm cười, rồi mắng yêu con.

- Lớn đại, hăm hai, hăm ba tuổi rồi mà cứ như con nít. Tại hồi nhỏ má mày cưng chiều mày quá mà! Thôi hai chị em vào trong thay quần áo đi, không khéo cảm lạnh chết đa!

- Cảm sao được ba! Con có cái mũ này, hết sảy. Đố ba thấy bán ở một tiệm mũ nào. Mũ kỵ phong mà ba. Ba coi nè, khô queo chớ có thắm một giọt sương. Của con nhỏ này mới tặng con hồi chiều này đó!

Chiếc mũ nóng ẩm hơi người vừa đội đã đành mà lớp lông mịn màng bên ngoài vượt qua vẫn khô rang không thấy lạnh thấy ẩm chút nào. Bác Tám Mun chuyển tay cho bố con Trần Vũ nâng lên kề sát vào ánh sáng đèn sẫm soi một lúc, và cả ba người đều không giấu được vẻ ngạc nhiên:

- Như là bằng lông rái cá thuộc, phải không cháu? - Bác Tám Mun hỏi cô gái.

- Dạ. Ngoại con nói mũ này kỵ phong. Người già đội nó rất tốt, rất ấm. Vì hay con đi đây đi đó luôn, nên ngoại con kiếm cho con.

- Ờ, Cà Mau dạo này ban ngày nóng cháy da, chớ đêm sương xuống nhiều lắm.

Bác Trần Vũ gật gù tiếp lời Tám Mun:

- Năm tôi về tới Cà Mau trước Tết bảy sáu đó... đứng trên lầu giao tế, sáng sớm ngó xuống thấy sương đọng trên vải bạt mui xe com- măng- ca,

ước chừng có thể múc được vài bát. Còn bồn hoa chậu kiểng thì ướt sũng như vừa tạnh cơn mưa.

- Hồi xưa đâu có như vậy. Tại thằng Mỹ phá gần hết trại rừng...

- Tám Mun vừa nói vừa ngắm nghía chiếc mũ.

- Cái này hiếm lắm đây!

- Bạn con đưa nào cũng muốn mượn đội, bác à! Hồi mới khâu xong, con đặt thử ngoài trời sương qua một đêm nó vẫn khô queo. Chung quanh mũ cách mười xăng- ti- mét và ngay trên lông mũ không có một giọt sương bám, bác à!

- Chà, vậy thì quý lắm!

- Dạ.

- Sao cháu không để dành đội mà đi công tác?

- Rồi ngoại con sẽ kiếm cho con cái khác, không lo đâu bác. Chị út công tác ngành rừng còn xông pha nhiều hơn con. Vớ lại để kỷ niệm... về câu chuyện bầy rái cá của chị út kể ở hội nghị... hay lắm!

- Chuyện gì vậy con? - Tám Mun ngạc nhiên quay lại hỏi út Thảo.

- A! - Út Thảo vỗ tay kêu lên. - Chuyện tối ư quan trọng. Tụi con về ngay là để báo cho ba hay liền đó. Vậy mà nãy giờ mắc lòng vòng chuyện cái mũ...

- Mà chuyện gì vậy chứ?

- Thôi. Ba gắt thì thô... ô... ôi, con không nói nữa đâu. Con đi nấu cơm ăn đây.

- Nè, đừng có nhõng nhẽo. Lúc nào mày cũng cứ như con nít.

- Không con nít đâu, bác ơi! Chị út khôn lắm. Nhờ câu chuyện chị kể mà hội nghị xúc động, thảo luận lại, đi tới quyết định không phá khu vực rừng Bà Sấu, để xây dựng thành "Lâm viên quốc gia" đó bác à!

Cô phóng viên trẻ cười nói vậy rồi ngồi xuống bên bếp than mở túi du lịch lấy tấm bản đồ trải ra.

- Để con chỉ con bác xem đường ranh giới. Chỉ còn chờ trên Bộ phê chuẩn.

Bác Tám Mun cùng Trần Vũ đưa mắt nhìn nhau, cả hai đều sững sốt mừng ra mặt. Tám Mun vội quờ tay chụp lấy tấm bản đồ, cười hềnh hệch:

- Thôi, khỏi xem. Cháu kể từ đâu tới đâu, bác biết liền. Bác nóng nghe con út nó làm sao? Nó nói chuyện gì?

- Dạ. Chỉ nói về chuyện "doi ông Trường" đó, bác!

- Lạ há! Doi ông Trường?

- Bác rành quá. Sông Bảy Háp và rạch Bù Mắt, tạt qua một con rạch nhỏ kêu là kênh Chống Mỹ, gặp một con kênh lớn đào từ thời Gia Long tấu quốc, gọi là rạch ông Trường... rồi từ rạch này đổ ra sông Cái Ngay có cái doi...

- Đó, chỗ đó... tí trên đó, có liên quan gì tới Bà Sấu dưới này đâu kìa? Mà sao, nó nói thế nào?

- Chị út nói: Thăng Gia Long bảo ông này đào một con kênh mở đường chạy từ Cây Thơ ra Cái Ngay bây giờ đó, phòng khi bị Nguyễn Huệ rượt thì buồm cho lẹ. Gặp rừng dày, ông cho đào rẽ tránh rừng để bớt khổ nhọc cho dân. Nên cứ tiếp vào ngọn rạch Cái Ngay chớ không đào thẳng, xuyên rừng.



Bọn nịnh thần tâu: "Con đường ấy có ý đồ dẫn tới chỗ giết vua!" Thăng Gia Long bèn hạ lệnh chôn sống ông...

- Nó chôn ông chỉ để lộ ra khỏi mặt đất có cái đầu, mắt ông mở trừng trừng lên vì phẫn nộ, ba ngày ba đêm mới chết chớ gì? - Bác Tám Mun sốt ruột, nói tiếp cho sớm kết thúc. - Chuyện đó, xứ Cà Mau này nhiều người biết mà.

- Dà. Đúng! Chỉ kể đúng vậy đó. Nhưng còn chuyện ông gặp bầy rái cá chặn ghe rồi tối về ông nằm chiêm bao nữa chứ!

- Lạ há? Sao tôi không biết kìa? - Tám Mun vỗ vỗ trán, nhìn bố con bác Trần Vũ đang chăm chú ngồi nghe cô gái kể.

Cô phóng viên lại tiếp tục nói, giọng thích thú và hào hứng:

- Bữa nọ ông ngồi ghe đi thị sát vùng rừng đó. Có bầy rái cá cứ bơi qua lại như muốn chặn mũi ghe. Hễ lính chèo đuổi đằng trước thì chúng lặn xuống bơi theo đằng sau kêu léc chéc mãi. Bởi vùng lắm rái cá nên ai cũng coi là chuyện thường, không lấy đó làm sự lạ. Đêm đó, ông về nằm chiêm bao thấy có người đàn bà bỏ tóc xõa, tay bông con thơ, dắt theo một đám con nít đông lắm. Người đàn bà quỳ xuống, kêu khóc thảm thiết cầu xin ông cứu mông. Ông giật mình thức dậy, nhớ lại bầy rái cá lúc ban ngày... rồi cứ chong đèn ngẫm nghĩ thao thức suốt đêm. Sáng hôm sau, ông mới ra lệnh đào tránh khu rừng... Dà, ngoài chuyện đỡ khổ nhọc cho đồng bào, ông còn muốn cứu các loài muông thú đang sinh sống trong khu rừng đó. Vì vậy, ông còn bị buộc thêm tội coi trọng thú cầm hơn "vương mệnh". Nên ông mới phải tội chết hai lần. Khi ông chết rồi, không ai dám tới đắp mộ vì có lệnh cấm rất ngặt. Ai cưỡng lệnh sẽ bị chôn sống theo ông. Vậy mà có một ngôi mộ bỗng cứ tự nhiên mọc lên rất cao tại đó. Bọn nịnh thần bèn mật sai lính tới rình bắt. Nhưng chúng đâu có bắt được ai. Thì ra không phải ai, mà có nhiều bầy rái cá đêm nào cũng đến móc bùn dưới sông lên đắp mộ cho ông...

Kim Dung hạ thấp giọng, mắt đăm chiêu nhìn vào khoảng không trước mặt rồi nhìn hết người này tới người khác, hai đồng tiền bên hai má lúm xuống nở một nụ cười sáng trưng.

- Cho tới "chín năm" vùng đó hãy còn rất nhiều rái cá mà!

- Con nghe ai kể vậy, út? - Bác Tám Mun hả hê, khoái trá hỏi con gái.

- Con nghe má nói. Má bảo nghe bà cố kể từ lúc má còn nhỏ lặn. Con nhớ sao thuật lại cho hội nghị nghe y vậy. Con chỉ còn thêm là ở Bàu Sấu hiện còn nhiều cây cổ thụ, còn nhiều muông thú hiếm sống sót... đề nghị hội nghị xét xem có nên phá đi hay nên giữ lại làm rừng quốc gia như rừng Cúc Phương ở miền Bắc chẳng hạn... Chỉ có vậy thôi... Vậy mà con nhỏ Kim Dung này tính sẽ đăng báo đó ba à! A, mà ba ơi, nghe có đoàn nhà văn ngoài Bắc vào, họ còn ở đây hay đi rồi?

- Còn. Họ tính cây ba ngày mai đưa họ xuống thăm Rạch Mũi.

- Cô phóng viên này muốn gặp họ để phỏng vấn hay đặt bài gì nữa đó, ba à!

- Vậy thì ngày mai cùng đi, tốt quá.

- Rồi quay sang Trần Vũ, bác nói vui.

- Thôi, ông muốn về chường nào cũng được. Mà nhất định ngày mai phải đi với chúng tôi xuống tham quan dưới đó cái đã. Hồi này tôi về sớm là tính rủ bố con ông sắp đặt mai đi đấy chứ!

- Để tính coi...

- Thì còn có với tính gì nữa!

Út Thảo không thối cơm thêm. Hai cô gái ăn vĩa thịt heo rừng nướng và chút bánh mì rồi uống nước, dọn dẹp cho hai ông già nghỉ để sáng mai còn

đi sớm cho đỡ mệt. Lâu lắm không biết đôi bạn già nằm gác chân bên nhau đã ngủ chưa mà không nghe thì thăm gì nữa. Còn hai người con gái mới còn cười rúc rích sau bức vách ngăn đó, cô phóng viên Kim Dung vừa hát lên khe khẽ: "Rừng ơi! Ta đã về đây!..." thì nghe có tiếng đấm vào lưng nhau thùm thụp rồi tiếng Kim Dung nói hơi to hơn, dường như cố ý cho người nằm ngoài trước nghe: "Thì mày tặng lại cho ông đi!" giờ cũng đã nghe rõ nhịp thở trẻ trung khỏe mạnh của họ kéo đều đều. Anh họa sĩ nghiên cứu sinh nằm trong màn cố chợp mắt một tí, nhưng đầu óc vẫn sáng trưng, không sao ngủ được. Câu chuyện về cuộc đời bố mẹ anh, về gia đình bác Tám Mun cộng thêm chuyện "doi ông Trùng" và bày rái cá càng làm An thêm băn khoăn, suy nghĩ. Đành rằng mọi đông truyền thuyết, huyền thoại tốt đẹp đều là thành quả sáng tạo xây dựng trên những hiện tượng có thực, mang tính nhân đạo và mơ ước tốt lành của nhân dân. Vậy thì trong lĩnh vực hội họa mà tiếng nói chủ yếu của nó là màu sắc, mình phải thể hiện cả một quá trình to lớn của những con người và những cánh rừng ở đây bằng cách gì đây? Giá như chỉ để kêu gọi bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống thì mình có thể dùng hình thức áp- phích. Chẳng hạn cách điệu hóa một cổ thụ to xám, trụi lá bị cửa ngang đổ xuống liền bên cạnh gốc vươn thẳng một mầm mầm khỏe mới màu xanh. Hoặc có thể tượng trưng đơn giản hơn bằng hai quầng đen trên dưới của một khung xanh da trời, ở quầng đen trên là một con chim phượng hoàng, đặt lộn đầu rơi trút xuống, lá tả đổ lông vàng và dưới là nguyên hình bộ xương cá chép màu trắng, vân vân... Chuyện này mình có thể nghĩ ra được nhiều kiểu đây. Còn tranh thì vẽ sao? An cứ châm thuốc lá hút, nằm nhìn lên nóc màn ngẫm nghĩ mãi. Cho đến khi bao thuốc lá lép kẹp thì anh vụt ngồi dậy vỗ trán:

- A may ra còn có cách này mới giúp mình giải quyết được vấn đề bố cục, để xếp chỗ cho hàng nghìn hình họa tiêu biểu.

An vừa nghĩ đến một bức hoành tráng kiểu tranh tường Mê- hi- cô, mà hình thức nghệ thuật là tranh sơn khắc to, nhiều tấm ghép lại kiểu bình phong... Toàn cảnh nhìn chếch từ cao xuống. Tất nhiên là từ cây mắt già

tiên phong, cây đước chủ lực đến cây tràm hậu bị đều phải chiếm những vị trí quan trọng, trong toàn bộ mười lăm họ thực vật ở đây. Mà cảnh đẹp là nhờ có người. Và lòng người ở tận cùng mũi đất phương Nam của Tổ quốc này đây, trước vạn trùng nguy hiểm vẫn luôn luôn giữ trọn một hình ảnh Bác Hồ trong tim.

Đền thờ Bác Hồ trong rừng Đước Viên An phải đặt vào trong điểm giữa tranh. Còn người mẫu và cảnh điển hình không lo thiếu. Cả những loài bò, bay, máy, cựa... từ chim thú đến rùa rắn tôm cá nói chung cũng vô cùng phong phú, đến nỗi Trần Hiếu Minh, trong tiểu thuyết "Rừng U Minh" đã viết "chỉ chịu khó bước chân vô rừng là có thịt, thò tay xuống nước là có cá" kia mà! Còn điều sau cùng là làm sao phân biệt được hiện diện của rừng Cà Mau khác với các vùng rừng cát khác ở vài khu vực lục địa thuộc vĩ tuyến 28 trên thế giới? Cũng bốn mùa tám tiết xanh rờn, chói chang ánh nắng? Như rừng A- ma- dôn ở Bra- xin chẳng hạn? Chỉ những hình ảnh con người với trang phục Việt Nam có mặt trong tranh thì cũng được. Nhưng làm sao thấy hết tầm quan trọng của nó, hơn các nơi khác nhiều, ngoại trừ vùng rừng A- ma- dôn của Nam Mỹ? Phải rồi, chỉ có tranh hoành tráng mới khả dĩ giúp anh giải quyết vấn đề này. Có thể bố cục phía trên cùng một dòng hải lưu màu sáng trôi từ Bắc xuống Nam, dòng hải lưu này đón bắt tất cả những hạt phù sa của chín cửa sông Cửu Long đổ ra, trôi xuống nữa, bởi vấp đảo Hòn Khoai mới cuộn vòng trở lại tấp hết lên Bãi Bùn. Trên nền xám Bãi Bùn nhú lên những cây mắm nhỏ đầu tiên... Vậy là có thể tạm ổn rồi... Bên những vệt đen của các khu rừng bị giết vì chất độc hóa học, trong đó quanh những gốc đước, gốc chà đang mục rữa còn trắng hếu xác vỏ sò vỏ ngao, là các mảng lớn màu xanh của rừng tạ mới phục hồi. Và xa xa phía trên một chút là những cánh rừng tương lai, rừng lô thẳng lối ngay hàng với đủ tất cả các phương tiện vận chuyển khai thác hiện đại. Một nhóm các cô gái trồng rừng tụ tập bên bờ kênh thoát nước, dưới những cụm tràm hoa nở trắng... Có nên vẽ thêm chi tiết con dao rựa chém phập vào thân cây đước còn dính miếng da cộp, và đồng xương người nằm đó để nhớ những ngày xa xưa gian khổ, ông bà ta đã phải từng bỏ xác trong cuộc chiến đấu với

thiên nhiên dữ dội, mới định cư được trên những cánh rừng này chẳng? Chà chà... Nhiều thứ quá. Rồi còn phải tính lại, phải chọn lọc coi nên vẽ cái nào, nên bớt cái nào chứ! Chưa bao giờ trong quá trình sáng tác, dự kiến về phác thảo một bức tranh còn nằm trong đầu óc khiến An phải nỗ lực tìm tòi, suy nghĩ đến khổ sở và cũng chưa bao giờ anh thấy khoan khoái sung sướng như giờ phút này đây.

- Ngày nay rừng Cà Mau sẽ khác nhưng vẫn không mất đi những chứng tích của ngày cũ. Và rừng mới sẽ mất hết cái ma lực đáng sợ "đi xa thì nhớ, ở lâu thì buồn". Biết đâu rồi mình sẽ về ở luôn đây cũng nên. Cả ba mình nữa, ở đây còn có...

Anh mỉm cười một mình trong tối và kéo chăn lên đắp ngực, nằm nghe tiếng rừng đêm âm âm như tiếng sóng vỗ bờ xa. Và anh cứ nằm im như thế, chờ cho ngày rộng.

# TIẾNG GỌI NGÀN

Đoàn Giỏi

[www.dtv-ebook.com](http://www.dtv-ebook.com)

## Tiếng Gọi Ngàn

Cứ vài ba tháng là bà con ấp Kèo Nèo lại rủ nhau tổ chức đi "săn hội" một lần. Bởi lâu ngày thèm thịt, ăn mãi cá tôm phát chán cũng có. Bởi thích thú được chạy nhảy đuổi bắt, hò la thỏa sức cũng có. Đối với các tay lì lợm có chút ít võ nghệ thì đó là dịp phô phang tài trí, đem gan góc ra thử thách, đối chọi với nanh vuốt các con vật rừng hung hãn nhất. Đàn ông trai tráng tích cực, tất nhiên. Mà đàn bà trẻ con yếu ớt cũng hăng hái theo phụ trợ. Bởi các con thịt lớn săn được, đều có phần chia cho từng nhà, còn con nào nhỏ nhỏ thì gia đình ai bắt được nấy ăn. Và cũng bởi trong các câu chuyện kể ở các tiệc nhậu giỗ, nhậu cưới... thì chuyện đi săn được thực khách đứng ra biểu diễn lúc chính mình đánh nhau với ác thú, bao giờ cũng là tiết mục hấp dẫn, hồi hộp, khoái trá được mọi người hoan nghênh nhất. Mà ở cái xứ rừng heo hút của đất Gò Quao - trong những năm hai mươi của thế kỷ chúng ta đang sống đây - đã gọi là tay "võ đồng" thì nào ai há chịu kém ai. Chính vì thế mà hầu như không có mấy con vật rừng sống sót, mỗi lần họ tập hợp hàng đôi ba trăm người hăm hở kéo nhau gõ thùng thiếc, khua chiêng, hươ dáo mác vây kín một khu rừng nào đó, từ lúc mặt trời còn chưa ló đông. Từ hổ báo, lợn rừng, nai, hoẵng, khỉ, vượn, chim nước, kỳ đà, rùa, rắn... cho tới con nhen, con sóc vừa giật mình thức dậy nhô đầu ra khỏi bộng cây, con chuột nhum ăn đêm chưa kịp về đến tổ chui xuống hang cũng đều khó lòng thoát khỏi tay họ. Nói chung tất cả các loài bò, bay, lủi, chạy trong khu rừng bị bao vây đều biến thành mồi nhậu của những bữa rượu kéo dài thâu đêm. Vậy mà lần nọ, có một con lợn rừng con thoát chết. Lợn rừng mẹ đã chống cự quyết liệt để bảo vệ con. Bị mác thông đâm lút cán, nó không ngớt học lên dữ dội còn ngoạ cổ cắn nát chiếc mác thông và húc mấy người suýt toi mạng. Hạ được mẹ rồi, họ nổi khùng giết luôn cả đàn

con. Còn một con chui trốn vào gốc cây. Khi một ngọn mũi Chuối vừa chong ra, sắp sửa chọc vào hông con vật rừng bé nhỏ thì chú Tư Đăng trưởng ấp phát hiện thấy nó có cái vá trắng giữa trán, bèn la lớn:

- Dừng tay lại! Đừng đâm... Đừng đâm nghe các cha nội!

- Tại sao? - Người toan đâm mặt đầy sát khí, hằm hằm quay lại hỏi.

- Linh vật đa! Không thấy cái đốm giữa trán nó sao? Từ nhỏ tới giờ tôi mới thấy giống heo rừng có con này là một.

- Vậy mà thả nó sống để nó lớn lên thành tinh à?

- Thả đâu! Bắt về chứ! Để bắt nó về tặng thầy giáo Bảy! Nhờ cái vá trắng giữa trán và lòng mến mộ thầy giáo Bảy của bà con ấp Kèo Nèo mà con lợn rừng con này thoát chết.

o O o

Thầy giáo Bảy thích nuôi chim, nuôi khỉ, nuôi trăn... Khi chúng quen người và lớn rồi, thầy thả sống tự do chứ không giam nhốt. Dường như con nào cũng "khôn", rong chơi chán- có khi đến vài ba tháng - lại biết tìm về nhà chủ. Nhưng rốt cuộc thầy không còn con nào. Có thể chúng sa hầm vướng bẫy, thọ tên chết ở một cánh rừng nào đó; cũng có thể chúng ra đi theo tiếng gọi của núi rừng và giống loài muôn thú cũng nên. Thiệt là Uổng công xúc tép nuôi cò, cò ăn cò lớn cò dò lên cây! Cũng đã có vài người tiếc hộ công linh, chê thầm thầy như vậy. Thầy Bảy được tiếng là người có tài thuyết phục các con vật rừng mà ai cũng cho là khó nuôi dạy. Nhiều lúc thầy ngồi suy tư hàng giờ, con trăn bò lên cổ, quần quanh người, thè lưỡi liếm mặt, thầy cũng không động đậy. Chú Tư Đăng từng nghĩ: ắt thầy là người khai sáng một thứ đạo gì đó, chẳng qua "phong vân chưa gặp hội" nên còn "ẩn tích mai danh", chưa ra mặt cứu đời. Cho nên khi ôm con lợn rừng con đến tặng thầy, chú có nói vui, giọng thật thà: "Biết đâu nó cũng là một Thiên bồng nguyên soái phải đọa xuống trần cũng nên!". Thầy

Bảy cười, cảm ơn chú rối rít, rồi lại lắc đầu cười mà chẳng có ý kiến nhận xét, bình phẩm gì. Nói cho "miên" thì bà con chẳng ai rõ lai lịch thầy Bảy. Người thì bảo: chắc ông thất tình hoặc trốn nợ; kẻ cho rằng: có chữ nghĩa như ông, ra làm việc thông ngôn ký lục dễ như chơi, lại bỏ trốn thị thành lánh về xứ khi ho cò gáy này, sống như một nông dân lam lũ, là ông muốn tỏ thái độ bất hợp tác với nhà nước Pháp... Tất cả những tiếng xì xầm ấy đều có đến tai thầy. Thầy chỉ mỉm cười. Mà điều này, chánh hương quản ở tận trên "nhà việc" cách hai mươi cây số cũng có để mắt tới. Nhất hồng là chuyện khi mới về đây, thầy thường khuyên nhủ bà con cố gắng cho con cháu đi học để "mở mang tâm trí". Biết vậy, nhưng mà học ở đâu?

Ngay cả xã và làng phụ cận cũng không có lấy một trường tiểu học? Hương chức hội tề nhiều ông còn đốt đặc cán mai, tập được một chữ ký tên đã là khá lắm. Thầy xin phép làng, đứng ra dạy các em học tại nhà mình không lấy một đồng xu cắc bạc nào: trò nào nghèo quá thầy còn cấp thêm cho cả giấy bút. Bà con dân ấp cảm phục nghĩa cử ấy, mặc nhiên gọi ông là thầy giáo. Lâu ngày thành một danh xưng. ở thời buổi đế quốc tư bản Pháp khuếch trương kinh tế lớn tại các thuộc địa sau đại chiến thế giới thứ nhất, giữa lúc mọi người bon chen theo đường danh lợi, giữ mình thanh khiết được như thầy là chuyện hiếm. Thầy cất một ngôi nhà sàn nhỏ ngoài đầu xóm, xin phá đất cấy một khoảnh ruộng nhỏ đủ gạo ăn; cũng đi "ăn ong", đốn củi như mọi người. Ngoài những giờ lao động, thầy lấy sự dạy trẻ và chăm sóc các con vật rừng làm vui. Hầu như thế sự gác ngoài tai.

Thầy đặt tên cho con lợn rừng con sống sót ấy, tên con Vá. Đó là một con cái đã bước vào tháng tuổi thứ tư. Nếu không gặp tai họa vừa rồi thì nó vẫn còn quây quần bên mẹ cùng các anh chị nó, như một lũ trẻ cho đến hết tuổi hai năm mới lìa đàn. Dù sao trong hơn ba tháng theo mẹ lùng sục giữa rừng bụi hoang vu, nó đã có thể sống tự lập được rồi. Đâu còn tính thuần khiết ấu nhi như những chú lợn rừng non mới đẻ bị bắt còn trong tổ trước mười lăm ngày, da đỏ hồng còn chưa kịp phủ lông tơ, chịu phục tùng bú bình sữa hay núc vú của một con chó cái đẻ mất con. Tính chất hoang rợ còn nguyên vẹn



đó là trở ngại lớn, trong cố gắng đem lại sự gắn bó đối với con người cô đơn này. Hơn nữa, nó đâu phải là một con chuột lang mua ở chợ về, một con chuột lang con lần đầu tiên mở mắt trong nhà người. Ngoài khoai sắn, khoai lang và các thứ rễ củ mềm, con Vá còn đánh hơi mùi thịt sống. Nó đã thè chiếc lưỡi nhám thử liếm từng nhát một, khúc thịt rắn thầy Bảy xin về ném chỗ góc sân. Và cũng bắt chước mẹ trong tư thế ngồi xồm trước thầy con chuột nhum hay thầy con rắn mái gặm: Những cung cách quen thuộc đã thối vào tâm hồn con vật dễ nổi xung này, tính e dè sợ hãi và thói ưa dọa nạt, vốn là bản tính của các loài thú rừng hoang dã. Việc dạy tập cho con Vá quen người phải kiên trì từng bước. Tất cả bộ đông nó đều toát ra một sự nghi ngờ. Thấy người lạ, nó lùi phắt lại. Hai chót tai nhọn hoắt của nó cụp xuống dựng lên một cách dữ tợn, những nếp cau ngược giữa trán rung rung và hai khóe mép bóng như lọ mỡ chốc chốc lại nhếch một cái để lộ những chiếc răng hàm mới nhú trắng tinh. Chót đuôi cùn cùn túm lông bé tẹo của nó quật mạnh vào hai bên hông liên tục, và nếu thấy người làm một cử chỉ đe dọa như dứ dứ cánh tay chẳng hạn, là y như nó lao tới một bước chẳng khác gì như mẹ nó lúc giận dữ, chìa hai chiếc nanh cong nhọn hoắt ra, lao thẳng vào bụng kẻ thù xóc ngược lên trước khi quật xuống đất. Tất nhiên là "thế võ tổ truyền" ấy nó mới chỉ đánh vào không khí, đầu hất qua hất lại một cách còn rất vụng về. Và đã phải khá lâu, con Vá mới quen dần chịu đứng yên để thầy gãi lưng, trong lúc nó đang nhai tóp tép những bắp ngô non. Thức ăn các động vật sống như ếch nhái, rắn con... mà đám học trò đập được dọc đường, mỗi ngày mang đến cho nó, khoảng cách ấy cứ thưa dần theo lệnh thầy giáo. Khi nó chỉ được cho ăn chuối cây thái ủ chua và các thức ăn nấu chín sền sệt như cháo gạo lúc... thì đối với nó từ lạ lẫm ngạc nhiên buổi đầu, qua vài hôm đã thành một sự thèm quen thích thú. Khi móng nó đã to như chiếc cốc, hai chiếc nanh nhọn hoắt bắt đầu nhô ra khỏi khóe mép và chỉ một cái hất mõm, nó đã đánh gãy rắc chiếc cốc chôn giữa sân thì những bữa ăn đúng giờ giấc cũng bắt đầu.

Còn những trò đùa nghịch thì nó mới chỉ học được quen quen thôi. Như ủi lẩn những khúc gỗ cắt ngắn chất trong sân chưa bổ thành củi, lắc mõm

đánh rơi từng quả mướp xác - tròn như quả bóng tơ- nít - Thầy Bấy lần lướt tung lên trước đầu nó, đuổi nhau với bé Hai con chú Tư Đăng và con chó mực nhỏ chạy vòng quanh sân... đôi khi thầy Bấy cũng tham gia. Sắc lông óng mượt hoe hoe toàn thân rực vàng trong nắng, đã xóa hết những vằn lông sọc dài thâm màu, lù xì, thưa và cứng hai bên hông, còn cái vá trắng cũng to gần bằng bàn tay. Nó đã là một con lợn rừng choai có bước đi chững chạc, chân đứng khá cao. Dù có cao to, nặng cân hơn trước, nó vẫn thừa nhanh nhẹn lao theo đớp những con dơi muỗi bay là là trên sân, rồi đứng vẫy đuôi nhai gấu gấu, và khước từ không nghĩ đến chuyện làm cho con chồn, con cù lần đã được thuần hóa lẫn quần dưới sàn nhà lo ngại. Chỉ có một điều làm nó khủng khiếp: Đó là những người nông dân lực lưỡng cời trần vác đòn xóc, dắt những con trâu cổ có cặp sừng cong nhọn hoắt đi qua bên ngoài rào. Nhún nhường và tự hạ buổi sáng, nghịch ngợm hoặc lục lọi ủi chơi nhăng nhít sau các bữa ăn, đó là đặc điểm của nó ban ngày.

Tuy nhiên, nhiều lúc nó cũng suồng sã nhảy lên sàn, chực lên bàn thầy Bấy đang ngồi ăn cơm để vòi vĩnh xin một vài miếng xương gặm dở. Nhưng ban đêm, khi gió thổi qua rừng đưa đến nó mùi hương của những vành hoa mới nở, hơi thở của rừng rậm và mùi mồ hôi các loài thú hoang, con Vá cảm thấy xao xuyến bồn chồn. Nó không ịt ịt nữa, mà đầu hết lắc bên trái lại lắc bên phải, ẹc ẹc giống như lúc nó theo mẹ lẫn các con đường mòn dẫn ra những rẫy ngô, ra các ven đầm nước. Nó loanh quanh đi trong sân, nhiều lúc chồm lên vách rào cố lách mõm ngó ra ngoài, tò mò muốn được đến gần nhìn xem những gì mà giác quan vừa tiếp xúc, khiến nó cố đoán ra. Giam nhốt nó vào cũi vào chuồng, chuyện ấy dễ quá, ai chẳng biết, nhưng thật là lỗ bịch. Bởi điều đó, trước hết là trái với quá luật của ngàn xanh. Cũi, chuồng vốn là sáng kiến của những kẻ tàn nhẫn. Thầy Bấy vẫn nghĩ thế. Hơn nữa, con Vá đâu phải là một con lợn thịt...

Chủ nó đã tập cho nó quen đeo vòng cổ. Đầu tiên thầy chỉ buộc quanh cổ nó một vòng dây da có khóa sắt nhỏ, xem như một món trang sức. Và dính thêm chiếc lục lạc nhất cử nhất động của con Vá đều rung leng keng. ít lâu

sau lại buộc vào vòng cổ một đoạn thừng thả lỏng. Tất cả việc đó đều xem như trò chơi. Dù con Vá có nhiều lúc nổi xung, nhảy dựng ngược, quay đầu đánh tung sợi dây thừng vướng víu, sự bực mình ấy vẫn cứ là trò chơi kia mà. Chiếc vòng da đeo ở cổ con Vá cứ nửa tháng lại được nối rộng ra thêm một nấc, nhưng không bao giờ rời cổ nó nữa. Thường ban ngày nó vẫn ngủ từ sáng đến ba bốn giờ chiều. Giờ đó, tập tính của giống loài đánh thức nó dậy đi ăn. Bây giờ cái ăn không cần phải lo, nó tha hồ rong chơi, lê la khắp sân. Ban đêm, đầu thừng thả lỏng mới được buộc vào bên chân bậc thang lên xuống nhà. Nó chỉ cần ngoái cổ cắn một nhát đủ đứt phăng. Tuy nhiên, con Vá vẫn phục tùng nằm đấy, như một cần vụ trung thành suốt đêm thức canh cho chủ ngủ, an tâm về sự hiện diện của chủ mình trên ngôi nhà với ý thức kiêu hãnh được bảo vệ tuyệt đối, không hề lo sợ một cuộc tấn công bất thành linh của một con hổ con báo nào có thể xảy ra đối với nó. Ngờ đâu chính đoạn thừng thả lỏng ấy đã gây nên một tai biến. Hôm nọ thầy Bảy có việc bận đi vào xóm. Bọn học trò lau nhau về hết rồi, chỉ còn bé Hai ở lại thổi nồi cơm giúp thầy - thỉnh thoảng ban đêm nó còn ôm mền đến ngủ với thầy cho vui - con Mực theo thường lệ chạy đến đón cậu chủ nhỏ. Bé Hai nghe tiếng sủa, mở cổng cho con Mực vào. Vá và Mực cùng mừng rỡ nhảy cẫng lên, hệt đôi bạn nhỏ lâu ngày gặp nhau. Thế là trò chơi đuổi bắt quanh sân như trước kia lại diễn ra. Bé Hai bận quay vào trông nồi cơm quên khuấy cánh cổng mở. Đùa nghịch một lúc, Mực bị đuổi gấp, nột quá, quay cắn vào mõm Vá một cái rồi chạy vọt ra cổng. Vá lập tức phóng theo. Mực về gần đến nhà, cậy nhà bèn quay lại khò xuống vẫy đuôi nhảy qua nhảy lại, tỏ ý bồn chồn thách thức. Khi Vá lao tới, Mực nhanh nhẹn chui qua chiếc thuyền úp kê trên bốn thanh đà gác chéo của ông trưởng ấp kéo lên bờ sông chờ sửa chữa. Ai chẳng biết ngón võ lợi hại của con lợn rừng khi đánh nhau với hổ, là dụ hổ đến gần một thân cây đổ ngang trên mặt đất. Hổ quen thói nhảy lên cao chụp xuống lưng để cắn cổ đối thủ, sẽ bị lợn rừng luồn vọt qua dưới thân cây. Hổ bất ngờ bị thân cây đánh vào mặt như búa giáng, tắt ngấm lăn ra, chưa kịp choàng dậy thì đã bị lợn rừng quay phắt lại vung hai chiếc nanh cong nhọn hoắt xốc vào hạ bộ hất tung lên. May mắn mà sống sót, nếu con nào không mất giống thì cũng cạch đến già... Mực vừa chui sang bên

kia, thì Vá tức khắc vận dụng miếng võ tổ truyền nhòai mình xuống luôn theo như một làn chớp. Sợi thừng thả lỏng bỗng mắc vào gốc đà bắt chéo, giựt gãy thanh đà và chiếc thuyền úp đổ sập xuống - một bên be đè đúng vào giữa lưng con Vá. Nó học lên dữ dội, hai chân trước cào đất bắn tứ tung cổ nhòai ra, càng nhòai ra thì sợi thừng càng căng thẳng, siết vào cổ họng. Bốn chiếc móng vuốt nhọn đen nhánh như sừng của nó cày sâu vào đất cổ rướn tới, các bắp thịt nổi vồng lên dưới lớp da ướt mồ hôi, nó vùng vẫy dốc hết lực nhòai ra mà vẫn không sao thoát ra khỏi khối nặng đè giữa lưng như một quả núi. Tiếng học học dữ dội của nó ban đầu làm lũ gà vịt trên sân hoảng hốt chạy tán loạn - chốc sau chỉ còn là những tiếng kêu khàn khàn rồi hỗn hển từng cơn, đôi lúc nó nín im dường như muốn tìm lại sức dẻo dai. Nhưng lực khỏe dẻo dai khủng khiếp của giống nòi thực ra đã rời bỏ nó rồi. Những bắp thịt nuộc lưng thẳng căng như sắp đứt vẫn còn giữ được các đốt xương sống dính nhau đấy nhưng mà chóng chày rồi cũng có thể sẽ bục ra thôi.

Thầy Bảy trên đường về, nghe tiếng học bất thường của con Vá, vừa kịp lao đến bắt gặp tình huống nguy kịch ấy; và con Vá cũng nhìn thấy thầy. Nó cố chồm về phía chủ, nhưng sợi thừng mắc trong lòng thuyền úp lại kéo ngược đầu nó lại. Hai chân trước co dưới cổ như con lợn co trên bàn tế, nó ngược mắt lên nhìn chủ không bỏ lỡ một giây phút, è ạch cố nhấc be thuyền lên.

Chiếc thuyền nặng quá không sao nhấc nổi, thầy quay lưng chạy vào nhà chú Tư Đăng, để mặc con Vá nằm nguyên trong thế chết hiểm nghèo. Như một quả bóng xì hơi, từ trong cuống họng của con lợn rừng lâm nạn thoát ra một tiếng rên nhỏ kéo dài đầy oán trách: ông chủ bỏ đi rồi. Khi thầy Bảy hồi hả trở lại tay cầm con dao yếm tay xách chiếc đòn tre thì con Vá đã bất động, nhìn thẳng vào thầy bằng cặp mắt đợi chờ mệnh mông, đầy nhẫn nhục, như sắp bật ra khỏi tròng bởi quá sức chịu đựng, mép sùi đầy bọt trắng. Xoẹt một cái, sợi thừng đứt phăng và chiếc đòn tre đã bẩy được chiếc thuyền lên. Con Vá lập tức trườn ra, và không phải đợi lâu chờ lâu, chỉ

mười bước chụm chân nó đã phóng bay về nhà, chạy vòng quanh sân. Thầy Bầy về đến nhà vừa mệt vừa khát. Thầy bước lại lu nước mưa chỗ đầu hồi cầm chiếc gáo dừa khom xuống, chưa kịp múc lên uống, bỗng cảm thấy hai vai bị một sức nặng như đôi chân to tướng bất thành linh chụp bổ tới.

Thầy ngã sấp xuống vừa lăn mình chưa kịp trở dậy thì trước mặt thầy là bộ mặt của con vật rừng đã lớn, khò khè thở thẳng vào thầy một mùi hăng hăng. Thầy muốn tự vệ, tay đẩy mõm nó ra, tay giữ chân nó lại. Nhưng con Vá đã đè lên người thầy, chà qua sát lại sức nặng gần hai trăm cân của những bắp thịt rắn chắc như thép. Sự lo sợ làm thầy tuần tự mất hết cảm giác, chờ người ra rồi nhẹ bỗng đi và nặng trĩch nhắc tay chân lên hết nổi. Nhưng trông thái đó diễn ra không lâu. Từ trong cổ họng con Vá không phát ra tiếng gầm rít của những con lợn rừng độc khi nổi xung, đe dọa mà là một giọng gừ gừ trầm đục sâu thẳm kéo dài. Mép nó không nhe lên, chìa cặp nanh ra, mà từ trong mõm nhọn thè ra chiếc lưỡi nhám liếm hai bàn tay thầy đang đưa lên chống đỡ, liếm lên trán, lên mặt và khắp cả ngực cả vai thầy. Bốn chiếc móng vuốt nhọn của nó choãi ra để tránh dẫm lên mình thầy, con Vá cứ đứng vẩy đuôi cọ cọ vào người chủ tốt bụng của nó với tất cả tấm lòng kính trọng thương yêu và chan chứa sự biết ơn. Bé Hai nghe tiếng thầy ngã, chạy ra chứng kiến hết. Thoạt đầu, tưởng con Vá nổi cơn điên hành hung chủ, thấy tính mông thầy nguy cấp đến nơi, nó vớ chiếc đòn xóc chạy tới toan dẫm con Vá. Nhưng rồi hai cánh tay bé nhỏ của bé Hai đang lăm lăm giơ lên lấy đà dẫm bỗng sững lại rồi từ từ hạ xuống. Nó ngạc nhiên, sững sốt đứng nhìn con vật thường được đem ra ví với người kém thông minh, biểu hiện tình cảm mến chủ đến mức gần như người! Từ hôm đó, con Vá ngày càng thêm quyến chủ. Nó chẳng muốn đùa nghịch lúc chẳng có thầy, nghe thầy gọi dù đang chơi, đang ăn nó cũng bỏ, chạy đến ngay. Đêm thầy lội đi soi ếch nó cũng lội theo. Buổi trưa thầy nằm đưa võng trước hàng hiên, nó trèo lên sàn nằm dưới chân thầy và đôi lúc thầy ngủ quên nó còn len lén ngược mõm lên liếm nhẹ vào chân chủ.

Con Vá đã trở thành bạn chí thiết của thầy giáo Bảy. Nhiều người khen con vật khôn. Cũng lắm người bĩu môi vì ghen tỵ với thầy: "Có khôn gì cũng là heo rừng. Trước sau gì, động đực nó cũng bỏ về rừng cho mà coi!". Điều họ nghi ngờ đó đã đến! Sáu tháng mùa mưa, gió ẩm ướt thổi thốc liên miên trong những cánh rừng tràm U Minh Thượng qua rồi, kể đến những ngày nắng nóng kéo dài của sáu tháng mùa khô cũng trôi qua. Con Vá đã tròn hai mươi bốn tháng tuổi. Đối với một con lợn rừng cái, đó là tuổi dậy thì của một thiếu nữ mười tám. Chẳng có gì thay đổi ngoài sự choán chỗ năm của nó ngoài hành lang mỗi tháng một rộng thêm. Ngoài rừng có vài loại cây đã thay dần lá mới, và điều đó không diễn ra một lúc như cây trổ lộc mùa xuân. Một thứ bản khoả đang xâm chiếm cả tâm hồn con Vá. Đêm nó không còn có những giấc ngủ yên tĩnh như trước nữa. Nó thường chồm chân, ngược lên giật giật kéo sợi dây thừng buộc cổ và đánh hơi bốn phía có các luồng gió thổi về. Những luồng gió từ mọi hướng đưa đến nó tiếng thì thầm của ngàn xanh và mùi rú rậm. Người không chú tâm có thể cho là đôi tai nhọn cứng đờ của con vật rừng không chịu nổi tiếng lũ chó xóm dai dẳng sủa khiêu khích; còn như chú Tư Đăng thì có thể chú tin là nó bị ma trêu quỷ ám cũng nên. Nhưng điều làm con Vá bản khoả, bồn chồn chính là những tiếng xôn xao mà tai người không thể nghe được, nó gần như tiếng búp lá cựa mình, tiếng lách nhẹ của một chồi non nhú lên khỏi mặt đất mềm. Đêm này sang đêm khác, khi vầng trăng thượng huyền cứ lên cao dần thì những tiếng xôn xao mơ hồ đó nghe càng rõ hơn. Chắc chắn là gió có trở mạnh hơn và lay động cây rừng nhiều hơn. Điều ấy chẳng ảnh hưởng gì đến giấc ngủ thầy Bảy và các cuộc nhậu, các đám đờn ca thâu đêm của những chàng thanh niên trong xóm. Tối nọ, những tiếng xôn xao ấy rõ lên đến mức lọt tai ông già Năm, một lão làng kỳ cựu:

- Bà con liệu dỡ khoai, hái bắp sớm đi. Không khéo heo rừng về phá hết rẫy đa!

Các bọm rượu trong xóm nghe vậy liền kháo nhau "Vậy thì ta đào hầm, gài bẫy bắt... kiếm mồi nhậu đi các cha!". Ban ngày con Vá vẫn ăn, tợp

nước cảm trong máng, vẫn ngủ ngáy rõ to và đùa nghịch như thói quen thường lệ, chẳng có gì thay đổi. Nhiều người đến chơi, tấm tắc khen con lợn rừng lớn nhanh, đẹp mã, khuyên thầy Bảy nên coi chừng kéo nó phá rào đi mất thì uổng lắm. Họ nói vui vậy thôi chứ họ đều biết tông tông tong con Vá đã trở thành "tù binh nô lệ" của thầy rồi. Tuy nhiên, một hôm bé Hai đến sớm thấy con Vá nằm dang xa chỗ sợi thừng buộc cổ. Đoạn thừng đã bị răng nó cắn một nhát đứt gọn như dao cạo. Thầy Bảy nghe kêu, chạy xuống lấy sợi thừng bện bằng da trâu mới, chắc hơn, buộc vào cổ nó và lau bầu nhặt đoạn thừng đứt quật cho nó mấy cái. Ồn một chốc rồi đầu đó lại vào khuôn phép. Thầy nghĩ là nó muốn thử bộ răng chứ không hề ngờ là con Vá, từ lâu trong tiềm thức, đã có hành động như mấy cậu học trò tinh quái của mình khi muốn đánh cắp của thầy một hòn tầy, một đoạn bút chì cứ mỗi ngày dời xa bàn một chút cho đến khi thầy không trông thấy.

Chuyện đó đã xếp lại và con Vá không còn cắn dây nữa. Lại một tuần trăng mới. Đêm sáng hơn, trông rõ cả những tàu lá ráng ngời ngời lung linh tận ven tràm bên kia sông. Các loài vật nhỏ thường kiếm ăn đêm dọc chân rừng, không con nào dám mò vào đây nữa. Tiếng xôn xao đã xua chúng dạt cả vào gần xóm. Những tuần trăng sau đó, khi con Vá đã cao thêm vài phân, nặng thêm vài cân, thì tiếng xôn xao mơ hồ ấy càng rõ dần, càng nhiều hơn, thường xuyên hơn từ khi con Vá toát ra những bí ẩn của một thứ mùi đặc biệt, thứ mùi bí ẩn gọi kêu đã giục những con bướm đực - từ nhiều dặm xa - bay đến tìm gặp con bướm cái đang bị nhốt trong lồng, thứ mùi khiến cho phấn hoa đực tìm gặp lại một cách diệu kỳ những nhụy hoa cái đang ra sức điểm tô cho một mùa tương bừng hoa nở. Đêm ấy, gió thổi qua rào, ve vuốt sống lưng con Vá.

Gió đưa đến nó mùi hương của các bụi lùm và những ngọn cây rừng cao, mùi nhựa chảy từ những vỏ cây nứt, mùi quả chín tươm mật, mùi phấn hoa lay động bởi cánh dơi quS và các loài chim đêm, li ti bay vờ vẩn và ngọn gió trĩu tình đón lấy mang đi gieo rắc khắp nơi. Thầy giáo Bảy đã ngủ rồi, biết đâu được nổi xao xuyên bồn chồn của con Vá. Theo luồng gió, tiếng

xôn xao đang chuẩn bị, đã được báo trước, im bật một lúc, bắt đầu nổi cơn lên vượt ra khỏi ven rừng trầm và dây ruộng sáng ngời ánh trắng. Bắt đầu từ một cổ họng rồi nhiều cổ họng khác tiếp theo. Tiếng học... học... gào lên vang rền. Nghe tiếng kêu đầu tiên con Vá đã đứng phắt dậy đầu ngược lên, đuôi quật vào mông, giẫm chân trên hành lang và chồm ra lan can. Nó bắt đầu lôi thùng buộc cổ hóng ra. Ngoài kia, những con lợn rừng đực của đàn tộc đang không ngớt gọi kêu những tiếng mà từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, các con đực vẫn gọi con cái trong mùa hôn phối. Con Vá quên mất rằng chủ đang ngủ, theo sức mạnh của Tiếng Gọi, chồm tới kêu nho nhỏ rồi gầm lên từng cơn kéo dài. Thầy Bảy tức mào chạy ra.

Trước mắt thầy là một con Vá chưa từng thấy. Nó như vọt lớn lên trong phút chốc, nháy dưng dưng, mọp xuống lại chồm lên cao hơn. Chân sau choãi xuống lấy điểm tựa như sẵn sàng phóng lên. Nó không chú ý gì đến chủ nữa, không thèm đếm xỉa đến những sợi dây thùng thổ tả cản cái đứt phăng. Mắt nó chăm chăm nhìn sang phía bên kia bờ rạch. Điều mà các con đực đứng ngời không yên, gào lên, sẵn sàng đánh nhau vì "nàng" đã trông thấy trong tầm mắt, ấy là tiếng gọi giục con Vá "bắc cầu giải yếm", phải tuân theo bốn phận muôn đời của các con cái, định luật mà Vá vi phạm để làm vui lòng con người. Và chúng giục gọi đến khản giọng, tiếng gầm gào rung chuyển cả rừng.

- Này Vá, quý bắt mày hả? - Thầy Bảy quát lên.

Như vừa thoát ra khỏi cơn mơ, nó vọt quay đầu lại. Đôi mắt đỏ rực chiếu lấp lánh trong bóng tối hành lang. Trông thấy chủ, dáng nghiêng đồ sộ của nó rời khỏi ánh trắng, từ từ hạ xuống. Nó nằm xuống, đuôi duỗi ra, hai chân trước co lại. Những "anh chàng hiệp sỹ cô độc" kia, mãi ngao du chốn đại ngàn, theo bản năng, từ biết mấy rừng xa vượt sông hồ về đây tìm "nàng" đâu biết rằng Vá đã nhiễm mùi con người, đã quen ăn muối và thức ăn nấu chín, đã được con người kỳ cọ, tắm rửa, gãi lưng. Chúng đến với "nàng" từng bước một, từ từ như khi phải lần mò phòng tránh bẫy.



- Bé Hai!

- Con đây, - cậu học trò nhỏ đã thức trước, đứng rình phía đầu hồi bước ra.

- Cái gì vậy? Ai đột nhập vô nhà à?

- Có ai đâu, thưa thầy. Mấy con heo rừng đực kêu con Vá đó mà!

Bé Hai vùng vằng đáp vậy. Nó thấy ghét con Vá quá. Thật chẳng khác gì gái nhà lành muốn lộn nài tháo ống đi theo mấy thằng du đãng. Thầy Bảy vớ chiếc thùng thiếc khua rầm lên, rồi đốt một nắm cây chai dùng nhóm bếp, ném vù vù sang bên kia bờ rạch. Những tiếng gầm gáo bên kia im bật. Chỉ chốc sau, con Vá lòi sợi thừng đến gần bên chủ. Thầy Bảy cúi xuống gãi gãi trên mí mắt, gãi gãi dưới cằm rồi vuốt sống lưng nó:

- Thôi nằm xuống, ngủ đi con!

Con Vá liếm liếm bắp chân thầy rồi ngoan ngoãn ịch sang bên, chờ chủ gãi bụng, gãi lưng. Giữa lúc ấy bên kia rừng xanh biếc ánh trăng, bóng những con lợn rừng đực lác lư xa dần. Những vệt thẫm di động óng ánh sắc lông như tơ tằm sống khạc ra những lời nguyện rửa giần giật từng cơn, quáện thành những chuỗi tiếng rền đường bệ, hướng về những ngôi nhà đầu xóm ấp Kèo Nèo.

o O o

Ba năm sau, con Vá nằm giữa Sở thú Sài Gòn. Một gian chuồng hẹp, trần thấp, ba phía tường đá xám và những song sắt thừa sức giam nhốt những con sư tử đưa về từ châu Phi. Thầy trò con Vá kẻ một đường, theo số phận. Tan lìa ấy xảy ra từ hai năm trước... Một hôm thầy Bảy đi "ăn ong" chèo xuồng về chưa đến nhà thì thấy ông trưởng ấp hốt hải chặn giữa đường:

- Thầy giáo, trốn đi! Trên quận đưa lính xuống xét nhà, bắt thầy!

- Chuyện gì vậy, chú Tú?

- Hai người hôm nọ trời mưa, ghé nhà thầy xin tá túc, rồi ở chơi mấy bữa... Họ là tù chính trị vượt ngục Côn Đảo về, thầy không biết sao?

- Ai nói vậy?

- Thăng Lìn chủ ghe trà vải lên quận báo mà. Chính ông chánh hương quản vừa mới nói với tôi.

- Cám ơn chú. Tôi phải đi cũng đành. Nhờ chú về tháo dây thả giùm con Vá ra rừng, giúp tôi!

Nhưng con Vá đã bị hương quản bắt đi trước khi chú Tư Đăng quay lại. Hương quản đưa lên biểu chủ quận để dâng công. Chủ quận rừng heo hút nuôi được ít lâu, muốn kiếm chút ân huệ hầu sau có dịp xin đổi về Châu Thành, bèn chở lên biểu chủ tỉnh. Chủ tỉnh Lơ- công người Pháp, nhờ lập công trông tình báo trong trận đánh Đức thu hồi vùng An- dát Lo- ren, được phái sang thuộc địa giữ chức quan cai trị đầu tỉnh Rạch Giá. Lơ- công thích thú con thú rừng hiếm thấy này lắm, bèn nuôi thả trong sân làm cảnh. Buổi chiều, có quan ba Sác- ni- ê tới chơi tư- nít, ngồi giải khát dưới bóng cây. Con Vá thấy vui, sấn đến gần bàn.

- Vas t'en! Vas t'en! - Sac- ni- ê quát lên.

Con Vá ngỡ gọi Vá ơi! Vá ơi! Mừng cuống, xô đến chồm lên đùi ông ta. Ông ta sợ bắn quần, nghiêng mình né làm đổ lãn bàn rượu. Sác- ni- ê giận quá, rút súng lục ra toan bắn một phát vào giữa trán con vật ngang bướng. Nhưng Lơ- công cười ranh mãnh, chặn tay ông võ biên lại:

- Nó là con thú rừng, như thổ dân xứ này cần khai hóa lâu năm mới hiểu được tiếng nói, lòng độ lượng bao dung và nền văn minh Đại Pháp mẫu quốc. Giết nó vô ích! Để tở cho nó lên Sở thú Sài Gòn. Có khi nó còn được đưa về Pa- ri trước chúng ta không chừng!

Nhờ cái vá trắng mà lần thứ hai con lợn rừng này thoát chết. Tàu Lục tỉnh tu tu chở khách Hậu Giang kéo ghe chài về thủ phủ thuộc địa Nam Kỳ, có chở theo chiếc cũi nhốt con Vá. Dọc hành trình qua nhiều địa phương, nó nghe tiếng hò chèo ghe, tiếng ca vọng cổ của khách thương hồ buồn rã rượi, như tiếng thở dài của người dân mất nước - nó chẳng hiểu gì - nhưng cảm thấy bồn chồn xao xuyến, bởi những âm điệu đó chẳng khác mấy giọng hát hò của những người dân ấp Kèo Nèo kia. Bây giờ thì nó đang ở cạnh chuồng một con hổ, tặng phẩm của "Hoàng đế An Nam" và một con báo gấm bắt được từ một vùng núi xứ Cao Miên. Chúng không phải cùng loài giống, con Vá không hiểu được chúng. Nhưng nó biết rằng xa xa bên kia - gần chuồng voi sau sở Ba- son - có những con lợn rừng, nó đã nghe tiếng và đánh hơi thấy mà chẳng bao giờ gặp được. Dọc dãy chuồng có hành lang xây theo kiểu khám đường Mỹ quốc, trên vài thân cột giả, có treo biển yết: "Cấm kích thích các thú vật" Và trước chuồng nó có biển đề: Đám khách thị thành nhàn du, ngày ngày điếu qua trước các cửa chuồng.

Những con gấu rẻ tiền chồm chồm chấp tay há mồm chờ bánh mì, chuối, lạc rang mà trẻ con có quyền vứt cho chúng, và trò đó làm cho các ông phán già che ô cầm cán đứng xem thích thú, cũng như các cô khâu đằm, các chị vú em, các bà mẹ và em bé đều lấy làm hoan hỉ. Trên thân cột giả nối liền chuồng nó và chuồng con hổ, có treo biển chữ in trắng men bằng tiếng Pháp, đưa từ Pa- ri sang: Nó bị liệt vào thú dữ ăn thịt sống chăng? Hay đó là một sự giam nhốt nhằm lẫn? Hay bởi cặp nanh cong để tự vệ của nó khiến người ta nghĩ nó có thể ăn thịt mình? Và chọc phá kích thích giận dữ, biết đâu nó sẽ phá chuồng ra nhai xương họ cũng nên? Dù thế nào mặc lòng, đám khách thượng lưu cũng cảm thấy an tâm khi nhìn vào những cặp nanh nhọn hoắt của con lợn rừng đồ sộ bên trong hàng song sắt như nhìn bức ảnh một tên bạo loạn bị bắt, trương lên trang nhất của tờ Lục tỉnh tân văn và họ rất mực tri ân nhà cầm quyền đã hết lòng bảo vệ tính mạng tài sản họ. Khi mới bị đưa nhốt về đây, nó ngỡ chỉ là một trạm chuyển tiếp, để rồi người ta sẽ đưa nó trở về với chủ nó. Nó lại được đeo vòng da vào cổ, có chiếc lục lạc leng keng đến là vui tai.

Đôi lúc nó cũng ị... ị... đòi những người đứng bên ngoài đùa nghịch với nó, như trước kia người ta đã dạy tập nó, không xa cách rùng quê hương của nó là bao. Đám khách kiêu sa ngạo mạn càng chỉ trỏ chế giễu, cho là nó cũng xin xỏ đòi ăn như những con gấu chó, gấu lợn. Thái độ khiêu khích điên cuồng trước con vật bị cầm tù! Họ không biết rằng chính họ cũng đang bị giam nhốt trong một nhà tù mệnh mông đó sao? Tháng ngày òn ã trôi qua, cho dù cách biệt ở một nơi có suối nước, có ao hồ, một bên dòng sông nhiễm đặc mùi bùn những tiếng còi ô- tô, tiếng chuông xe điện, tiếng nhà máy, mùi xăng dầu và loa quảng cáo vẫn tràn vào khu vực đầy cây xanh và cỏ thụ yên tĩnh, bên rìa thành phố này. Hai mùa mưa đổ trắng xuống các rặng còng và những cây phượng vĩ gần hồ nuôi cá đã hai lần rắc xuống thảm cỏ xanh những cánh hoa đỏ rực. Từ lâu, nó không còn chồm lên song sắt để vận động các cơ bắp, như con báo lảng giềng, ngày ngày không một nhào lộn phí sức vô ích, mà không bao giờ có thể thoát ra được. Nó cũng không nhảy bắt con mồi tưởng tượng chẳng bao giờ đuổi gặp. Nó nhớ ngôi nhà sàn thấp, xinh xinh, tràn ngập ánh nắng, quanh vùng rừng xưa là một thế giới đầy rẫy những con rắn nước, rắn mái gặm con bò chậm chạp trong các lùm rảng, các bụi gai chùm lé... những tổ trứng trích, trứng le le thơm sực mùi cỏ khô lót trong lau sậy, và cứ nằm ngơ ngẩn nhớ mùi hăng hăng của lá cỏ cây rừng. ở đây một cuộc sống đơn điệu, các bữa ăn nhàm chán lặp lại hàng ngày, tường đá xám lạnh lẽo và các chấn song đen sì. Nó không phạm trọng tội gì.

Nhưng nó không chống chọi nổi cái lạnh. Cái lạnh đã luồn vào bên trong tim phổi nó. Ngày lại ngày nó càng kém sức dẻo dai. Trở nên chậm chạp. Và khốn nạn hơn, thứ khí lạnh ẩm ướt xám xịt tràn ngập dãy chuồng đá, cuối cùng đã gặm nhấm các đầu khớp bộ phận cơ thể và đường xương sống của nó, đến nỗi nó không thể nhảy lên nằm trên các bậc gỗ. Từ trong thăm sâu tâm hồn nó, mong muốn được gặp lại chủ cứ dâng lên. Nó đợi chờ. Nhiều lúc nó cố tìm xem trong những gương mặt kia có chủ nó không, có khi nó nằm lim dim lắng nghe trong các giọng nói, tiếng cười, há vọng nhận ra giọng tiếng quen thuộc của con người ngày xưa. Giờ đây mòn mỏi hết

trông chừng vào đám đông rồi, suốt ngày nó nằm còng queo, lơ mơ ngủ. Chỉ đến giờ đã định, dạ dày đòi hỏi cần phải ăn, nó mới thấy chút ít hào hứng hoạt động trở lại. Chính lúc mà con Vá không còn há vọng gặp lại chủ nữa, thầy Bảy đã tới. Nó đứng nhìn ông khách chờ mọi người đi hết mới lẳng lẳng một mình bước đến bên chuồng nó. Mắt nó không còn nhận ra ở ông một chút gì. Thầy Bảy đã trút bộ quần áo bà ba đen, chiếc nón lá... để thay bằng bộ quần áo ka-ki xanh bạc màu, lấm tấm vệt dầu.

- Vá ơi! Con gái khốn khổ của ba! Mà không còn nhận ra ba nữa sao?

Con Vá đang bước đi bỗng dừng phắt lại, nhảy sang một bên mắt nhìn căng thẳng, làn da trán co lại và vẩy đuôi liên tục.

- Con đã lớn rồi mà ba vẫn cứ nghĩ con còn bé dại. Chính vì thương con đó mà ba đã làm mà khố cả một đời. Ờ, phải chi hồi đó...

Tưởng chừng như trên thế gian này không gì có thể tách rời nó khỏi con người đang tiếp tục nói với nó bằng giọng xúc động, những lời đầy tin cậy và thương quý ngày xưa. Trong khi thầy nói, hai bên hông con Vá hóp vào và từ trong cổ họng sù sù của nó thoát ra một tiếng dài, một tiếng thật dài khàn khàn xiết bao êm ái. Nó lăn ra, chờ chủ gãi lưng như lúc còn là con lợn rừng bé nhỏ và khi đánh hơi thấy bàn tay chủ thò vào song sắt, nó liền chồm dậy, rướn cổ thè chiếc lưỡi nhám nóng hầm hập liếm mãi bàn tay đã từng vỗ về, chăm sóc nó ngày xưa. Thầy nhìn làn da trán nó cọ liên miên vào song sắt đã dần thành một cục chai, còn túm lông đuôi thì xơ xác quá. Từ lúc nó bị hương quản bắt đi, không ai có thể đến gần để tắm rửa, chải lông cho nó, từ mình con Vá xông ra một mùi hôi nồng nặc làm cho bộ mã u sù của nó trông càng thê thảm. Từng chập nó ngậm mất bàn tay thầy trong cái họng dài to tướng rồi lại nhả ra, và nhìn chủ bằng cái nhìn cật vấn đầy trách móc, ngốc nghếch y như thuở lên hai tuổi nó đã nhìn thấy vầng trăng đêm đêm cứ tròn dần ra.

- Sắp tới giờ đóng cửa rồi! - Người gác-điêng nói sau lưng thầy Bảy.

Khi thầy rút tay ra, quay mặt lại ông ta hất bộ ria củ ấu, hỏi:

- Chắc trước kia, anh có làm bồi cho quan chủ tỉnh Rạch Giá?

- Dà! Mà chỉ ít lâu thôi...

Thầy Bảy cười nhịn nhục, đáp ứng như một tất nhiên để giấu tông tích "tên bạo loạn đang bị nhà nước truá lũng". Còn vài hôm nữa, thầy sẽ được các đồng chí đưa xuống tàu ra hải ngoại học tập lớp đào tạo cán bộ phong trào chọn lựa từ các tầng lớp trẻ: thanh niên đi làm nghĩa và thầy giáo yêu nước vừa được Đảng giác ngộ.

o O o

Con Vá nằm đó, trong gian chuồng ẩm thấp, lông hoe hoe một màu vàng xỉn. Thiên hạ gọi nó là dã thú. Nó đã mất tên, không còn là con lợn rừng của ai và cũng chẳng còn là con vật thuộc nhà cầm quyền. Lá vàng rụng thay cho bụi lốc mùa hè rồi gió bắc thổi về đưa cái lạnh từ phương Bắc xuống, thâm nhập vào buồng phổi con Vá đã yếu nệ lắm rồi. Mùa này sang mùa khác, nó đã hoài công đợi chờ con người có tâm hồn trong sáng, độ lượng đã âu yếm gọi tên nó là con Vá tới thăm nó một lần nữa, con người đã từng chăm chút nuôi dưỡng, trông thấy nó lớn lên, từng cứu nó thoát chết, đã làm tiêu tan trong lòng nó sự hiểu lầm muôn thuở làm xa cách những con người với các loài vật sống trong hoang dã. "Cấm kích thích các thú vật!" Con Vá đâu còn có thể bị kích thích nữa. Thứ bệnh khủng khiếp tàn phá buồng phổi con người, rình mò dọc dãy chuồng ẩm ướt, kém vệ sinh đã thừa cơ nó suy nhược, tấn công nó đổ gục. ánh đèn gác vàng vọt chiếu qua hàng song sắt. Nó nằm đó, từ cổ họng thoát ra một tiếng rên dài âm ỉ, khàn khàn. Đâu phải nơi đây là chốn loài giống của nó hện gặp Tử Thần.

Một làn sóng gợn chạy dài trên sườn và hai bên hông nó. Và những tiếng rên rỉ nối liền theo. Kiệt sức bởi muện phiền và số phận nặng trĩu đè bẹp

xuống, con Vá phát lên tiếng gào tuyệt vọng về với núi rừng. Đầu phía kia, những con lợn rừng độc chiếc bị bẫy bắt đưa về từ rừng lá Ninh Thuận, từ rừng cao Tây Nguyên đã nghe thấy tiếng gọi của con Vá. Tất cả những điều mà viên y sĩ thú y, ông phó giám đốc và người gác không hiểu được, đã làm lay động chúng sau những chấn song. Những chiếc nanh cong của chúng nhe ra, vành mép nhếch ngược, lông gáy dựng dựng, cổ họng rung mãnh liệt. Và những tiếng gầm gào không ngớt học lên, vang dội cả một góc dài bờ sông Thị Nghè chìm trắng trong sương đêm. Lơ lảo giữa hư ảo đang bắt đầu trũ xuống, con Vá bắt gặp lại những tiếng nó đã nghe, trên hàng hiên ngôi nhà sàn, một đêm trăng xao xuyến từ bên kia cánh rừng vọng sang. Nó cựa mình chồm dậy, gượng đứng lên, nhưng lại ngã vật xuống, đập vào nền đá. Bên trong nó đang triển khai cuộc giành giật giữa sự sống cố vận động các cơ bắp lấy lại sinh khí và cái chết cứ lần dần từng bộ phận, giữa tiếng gọi muốn dựng nó lên và tình cảm đã dí nó xuống, trong tâm hồn méo mó đã biến nó thành một nô lệ của những con người.

Trong các chuồng lân cận, bóng đen lờ mờ của các loài dã thú khác cứ nặng nề lượn vòng, sát lưng vào tường và các chấn song, đầu nghiêng nghiêng, cổ vươn dài tới trước, chậm chạp bước từng bước từng bước thận trọng như lúc dõng theo mồi. Con thì mắt đỏ rực, con thì mắt xanh lè chói ngời đầy ánh lân quang. Đêm thăm thẳm buốt lạnh, đen mù. Con Vá lại tiếp tục rên rỉ. Nó thở hỗn hển, mũi lắc lắc như một ống bễ lò rèn quá cũ mòn đã mất hết tác dụng. Nó thử động dậy. Nhưng cái lạnh cóng dưới bốn chân cứ từ từ dâng lên ngược về đến quả tim, trong bộ da bùng nhùng. Bốn chiếc móng guốc sắc nhọn của nó duỗi ra, không co lại được nữa và tai nó cụp xuống như lúc lên cơn giận dữ.

Nó ngợp ngợp nhại lại một cách vụng về, động tác nhai rể củ gau gấu của những con lợn rừng đang sống giữa ngàn xanh tự do. Tiếng than vãn của con Vá, tất cả đám lợn rừng không ngủ bên kia đều chăm chú lắng nghe. Nó hối tiếc lần cuối cùng rằng nó đã khinh khỉnh coi thường tình cảm của giống loài, và lòng nhớ ơn mà nó vẫn giữ theo tập tính giống loài đã ràng

buộc nó với con người mà nó không còn bao giờ gặp lại. Giọng khàn khàn run rẩy của nó thú nhận với tất cả các loài giống láng giềng rằng nó đã bội ước với định luật của ngàn xanh, chỉ vì thích ở lại trong nhà người có tổ ấm, có ủ lá chuối khô và thức ăn nấu chín hơn là về với những con lợn rừng đực dữ tợn và khờ khạo. Bỗng nó rùng mình một cái, cổ xuôi ra. Vạch cầu nối cuối cùng giữa đầu và tim đã gãy. Khắp vườn cây um tùm của Sở thú Sài Gòn nửa đêm bỗng rung lên, chấn động liên tục các tiếng gầm: lừ đừ hung dữ, phẫn nộ, ai oán của tất cả các loài mãnh thú đồng cảnh cùng cất lên những tiếng gào tự do, mênh mông vô bờ. Sáng sớm hôm sau, người gác đi dọc dãy chuồng trông thấy con Vá cứng đờ nằm lù lù một đống, mép xệ cong, he hé thông ra chiếc lưỡi trắng bột, một nửa bị răng hàm cắn ngập.

19- 12-1982